



# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ALPHA

ALPHA SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**ANNUAL REPORT**

**2016**

## MỤC LỤC

<b>I. Thông tin chung .....</b>	<b>1</b>
1. Thông tin khái quát.....	1
2. Quá trình hình thành và phát triển .....	1
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	2
4.1. Mô hình quản trị .....	2
4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý.....	2
5. Định hướng phát triển .....	3
5.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty trong năm 2016.....	3
5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn .....	4
5.3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty. ....	5
Các rủi ro: .....	5
<b>II. Tình hình hoạt động trong năm.....</b>	<b>6</b>
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh .....	6
2. Tổ chức và nhân sự .....	9
2.1. Thông tin về Ban điều hành .....	9
2.2. Về nhân sự.....	12
3. Tình hình tài chính.....	13
3.1. Tình hình tài chính .....	13
3.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu .....	13
4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu .....	14
4.1. Cổ phần: .....	14
4.2. Cơ cấu cổ đông:.....	14
4.3. Vốn điều lệ.....	15
4.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có .....	15
<b>III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc .....</b>	<b>15</b>
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015.....	15
2. Tình hình tài chính.....	18
2.1. Tình hình tài sản .....	18
2.2. Tình hình nợ phải trả.....	19
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.....	19
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai .....	19
<b>IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty .....</b>	<b>20</b>
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.....	20
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty	21
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.....	21
<b>V. Quản trị công ty .....</b>	<b>22</b>
1. Hội đồng quản trị .....	22

<b>2. Ban Kiểm soát .....</b>	<b>25</b>
<b>3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát .....</b>	<b>26</b>
<b>VI. Báo cáo tài chính (đính kèm) .....</b>	

## **I. Thông tin chung**

### **1. Thông tin khái quát**

- Công ty cổ phần chứng khoán Alpha (Alpha Securities Company, JS) được thành lập hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015116 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 19/12/2006, sửa đổi lần thứ nhất ngày 22/12/2006.
- Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 44/UBCK-GPHĐKD ngày 28/12/2006 do UBCKNN cấp;
- Quyết định số 64/UBCK-GP ngày 21/8/2007 của UBCKNN về việc sửa đổi một số nội dung của Giấy phép 44/UBCK-GPHĐKD;
- Quyết định số 133/UBCK-GP ngày 18/6/2008 của UBCKNN về việc sửa đổi một số nội dung của Giấy phép 44/UBCK-GPHĐKD.
- Giấy phép số 211/UBCK-GP ngày 16/03/2009 điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động số 44/UBCK-GPHĐKD do Chủ tịch Ủy ban chứng khoán nhà nước cấp ngày 28/12/2006 được rút bớt nghiệp vụ tự doanh chứng khoán.
- Tổng số vốn điều lệ của Công ty theo Quyết định số 133/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18/6/2008 về việc sửa đổi một số nội dung Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 44/UBCK-GPHĐKD ngày 28/12/2006 do UBCKNN cấp là 58.619.400.000 đồng.
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha có trụ sở tại Số 02 Phạm Ngũ Lão, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.
- Số điện thoại: (84.4) 39334666                      Số fax: (84.4) 39334668
- Website: apsc.vn

### **2. Quá trình hình thành và phát triển**

- Ngày 28/12/2006                      Công ty được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động
- Ngày 11/01/2007                      Thành viên của Trung tâm Lưu ký chứng khoán

- Ngày 23/01/2007 Thành viên của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- Ngày 12/03/2007 Khai trương và đi vào hoạt động tại Hà Nội
- Ngày 15/03/2007 Thành viên của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
- Ngày 10/01/2008 Giới thiệu dịch vụ tra cứu SMS với Khách hàng
- Ngày 04/01/2010 Giao dịch trực tuyến với sàn HCM
- Ngày 28/05/2010 Giao dịch trực tuyến với sàn Hà Nội

### **3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**

Các nghiệp vụ kinh doanh của APSC:

- Môi giới chứng khoán
- Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán
- Lưu ký chứng khoán

### **4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

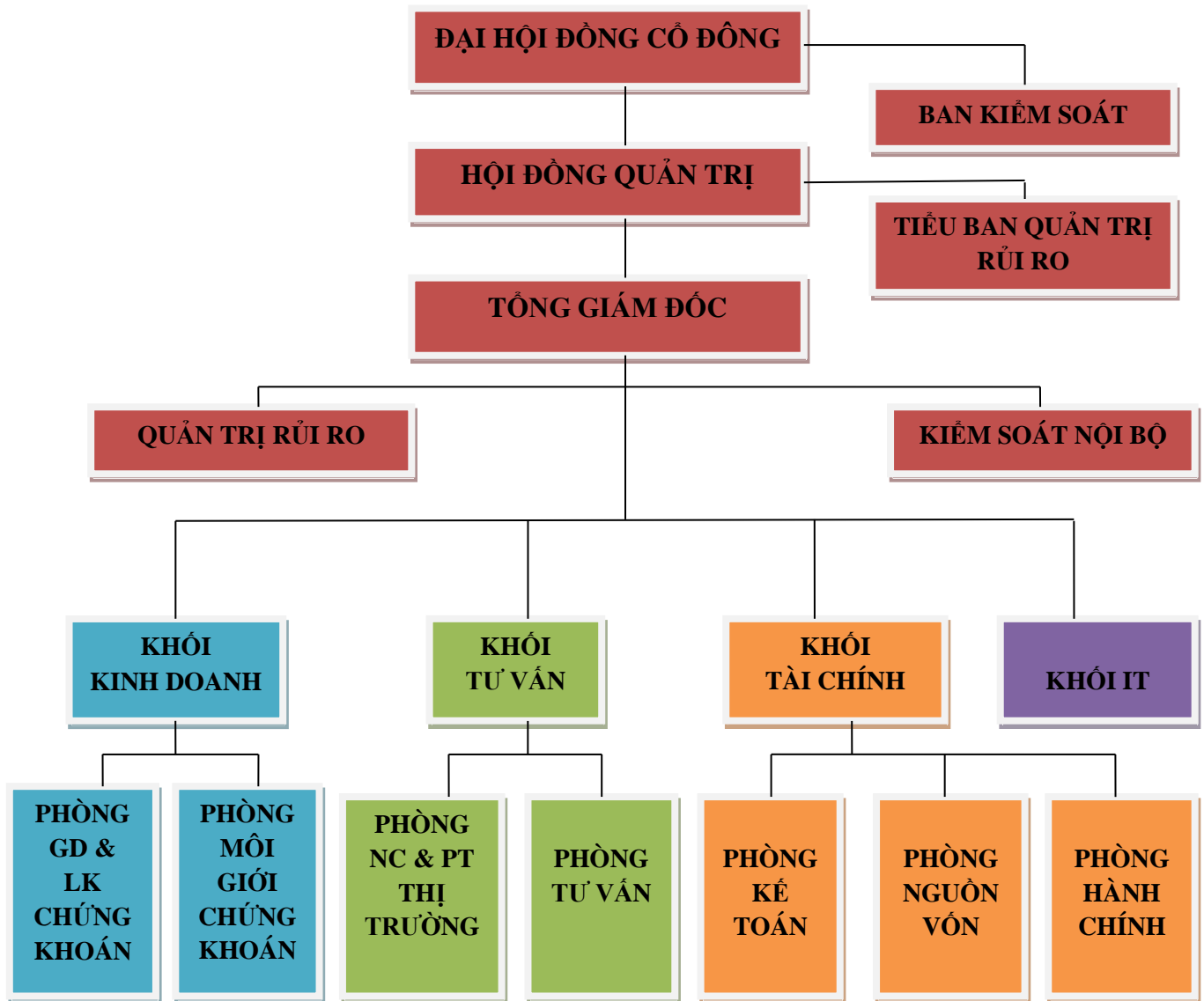
#### **4.1. Mô hình quản trị**

Mô hình quản trị doanh nghiệp bao gồm: Đại hội Đồng cổ đông; Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị; Ban Điều hành đứng đầu là Tổng Giám đốc và các Giám đốc Khối chức năng. Cơ cấu tổ chức của Công ty được xây dựng trên nguyên tắc phân công, quản lý theo các khối chức năng công việc, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Tổng Giám đốc quản lý, điều hành thông qua việc phân cấp, phân quyền để trực tiếp giải quyết các công việc cụ thể của khối thông qua Giám đốc phụ trách khối.

#### **4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý**

Cơ cấu quản lý Công ty được tổ chức theo sơ đồ sau:

*Sơ đồ bộ máy Công ty cổ phần Chứng khoán Alpha*



**5. Định hướng phát triển**

**5.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty trong năm 2017**

- Liên tục nâng cấp và hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin nhằm đáp ứng tốt nhất các yêu cầu và tiêu chuẩn giao dịch mới. Cùng với đó là mang đến cho khách hàng cách thức giao dịch nhanh chóng và thuận tiện nhất;
- Khai thác triệt để lợi thế của APSC trong việc mở rộng và phát triển khách hàng;

- Kiểm soát chặt chẽ doanh thu, chi phí nhằm sử dụng hiệu quả nguồn vốn của Công ty;
- Tiếp tục đẩy mạnh công tác quản trị và kiểm soát rủi ro, xây dựng Quy chế quản trị rủi ro chi tiết, cụ thể với từng nhóm rủi ro, từng bộ phận chuyên môn;
- Không ngừng hoàn thiện chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng;
- Tăng thị phần môi giới, mở rộng lĩnh vực tư vấn tài chính doanh nghiệp;

### **5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn**

Xây dựng APSC thành một công ty có thương hiệu mạnh về dịch vụ môi giới và tư vấn đầu tư chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam và quốc tế. Để đạt được mục tiêu trên APSC đã đưa ra những chiến lược cụ thể như sau :

- Chiến lược phát triển khách hàng: APSC quan điểm rằng để mở rộng được mạng lưới khách hàng thì cần phải xây dựng được niềm tin của khách hàng đối với Công ty. Vì vậy, chữ “Tin” trong kinh doanh là một yếu tố quan trọng. Nâng cao tính minh bạch và cam kết về trách nhiệm trong các hoạt động giao dịch mua bán đầu tư với khách hàng sẽ là một nền tảng để khách hàng lựa chọn và gắn bó lâu dài với Công ty.
- Chiến lược phát triển sản phẩm dịch vụ: APSC cung cấp một chuỗi các sản phẩm nhằm nâng cao tiện ích cho khách hàng trong việc sử dụng dịch vụ, tiết kiệm thời gian tối đa và vẫn đạt hiệu quả trong đầu tư.
- Chiến lược công nghệ thông tin: Với đặc thù là ngành kinh doanh phụ thuộc nhiều vào công nghệ, APSC đã xác định mức độ quan trọng của hệ thống công nghệ thông tin hiện đại. Với kinh nghiệm trong ngành Chứng khoán, APSC thấu hiểu và thông suốt các cách thức giao dịch, nhu cầu của khách hàng, các sản phẩm phái sinh tài chính và cả những sản phẩm mới sẽ được đưa vào thị trường Việt Nam, trên nền tảng đó APSC xây dựng một hệ thống công nghệ thông tin hiện đại, tiên tiến và có độ mở cao nhằm đáp ứng việc thích ứng với môi trường kinh doanh tại Việt Nam đặc biệt là sự thích nghi với sự thay đổi các chính sách của thị trường. Với hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng

được đầy đủ các nhu cầu của khách hàng nhưng đồng thời giúp khách hàng tiết kiệm chi phí.

- Chiến lược nhân sự: APSC xác định nhân sự là yếu tố cơ bản và quan trọng nhất để xây dựng một APSC thành công và trở thành một thương hiệu mạnh trong ngành.

Vì vậy, APSC có một hệ thống các quy trình, chính sách để thu hút, đào tạo và phát triển nhân tài. Trong cơ chế thị trường cạnh tranh khốc liệt về nhân sự giỏi, APSC cam kết luôn hiểu, chia sẻ, vun đắp và hỗ trợ cho những thành viên của Công ty để từ đó có động lực phát triển và gắn bó lâu dài với Công ty.

### ***5.3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.***

- Trở thành một Công ty chứng khoán môi giới chuyên nghiệp và uy tín trên thị trường Chứng khoán Việt Nam.

- Phương thức giao dịch và hệ thống công nghệ thông tin hiện đại và tiên tiến nhất.

- Cung cấp các sản phẩm dịch vụ hoàn hảo đến khách hàng.

- Môi trường làm việc thân thiện và hiệu quả cao với đội ngũ chuyên gia có trình độ và nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính Chứng khoán, có đạo đức nghề nghiệp và có nhiệt huyết xây dựng Công ty.

#### ***Các rủi ro:***

❖ **Rủi ro thị trường** là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường phát sinh do biến động về lãi suất, tỷ giá ngoại tệ, chỉ số giá cổ phiếu, giá cả hàng hóa thế giới và trong nước. Rủi ro thị trường gây tác động làm giảm mức độ lợi nhuận đầu tư của Công ty thông qua ảnh hưởng trực tiếp tới khoản đầu tư tiền gửi, đầu tư cổ phiếu của Công ty. Nhận thức được những bất ổn tiềm tàng trong nền kinh tế, Công ty luôn thực hiện chiến lược đầu tư thận trọng, và đạt hiệu quả cao nhất trong đầu tư.

❖ **Rủi ro tín dụng** là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Rủi



ro này ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động kinh doanh và lợi nhuận của Công ty. Rủi ro tín dụng phát sinh từ các khoản phải thu khách hàng từ những hợp đồng tư vấn và hỗ trợ giao dịch ký quỹ. Rủi ro này phát sinh khi đối tác không hoàn thành khả năng thanh toán. Đối với giao dịch ký quỹ, APSC thực hiện thận trọng trên cơ sở tuân thủ các quy định của UBCK Nhà Nước và thường xuyên đánh giá các mã cổ phiếu trong danh mục chứng khoán ký quỹ dựa trên yếu tố thanh khoản, biến động giá. Đối với các hợp đồng tư vấn, Công ty yêu cầu khách hàng thanh toán trước theo từng giai đoạn của công việc hoặc đặt cọc một phần tiền. Bằng việc thực hiện các biện pháp quản trị rủi ro tín dụng, năm 2015, Công ty không để xảy ra tình trạng tổn thất vốn, hay nợ xấu.

❖ **Rủi ro thanh khoản** là rủi ro dẫn đến mất khả năng thanh toán những khoản nợ ngắn hạn. Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và các khoản tương đương tiền ở mức độ hợp lý đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

❖ **Rủi ro pháp luật** là rủi ro liên quan đến các quy định của pháp luật ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Thị trường chứng khoán Việt Nam đang trong quá trình hoàn thiện, các văn bản pháp luật mới liên tục được ban hành. Chính vì vậy, Công ty thường xuyên cập nhật những văn bản pháp luật mới nhất liên quan đến lĩnh vực chứng khoán và các lĩnh vực liên quan khác, tiến hành đào tạo nhằm nâng cao kiến thức về pháp luật cho nhân viên. Nhờ đó đã giúp Công ty hạn chế những rủi ro liên quan đến vấn đề pháp luật.

❖ **Rủi ro về thương hiệu** nảy sinh do các yếu tố làm ảnh hưởng đến Công ty và thương hiệu, hình ảnh của Công ty đối với đối tác, nhà đầu tư và các cơ quan quản lý. Công ty luôn chú trọng xây dựng hình ảnh Công ty, đảm bảo phục vụ khách hàng tốt nhất và thực hiện đầy đủ chế độ công bố thông tin.

## II. Tình hình hoạt động trong năm

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

#### 1.1. Tình hình thế giới:

Nền kinh tế toàn cầu đã có những dấu hiệu phục hồi khả quan sau khi trải qua giai đoạn khó khăn năm 2015. Tuy nhiên, GDP toàn cầu chỉ đạt mức 2,6% trong năm 2016, thấp hơn so với dự báo 2,9% từ đầu năm. Nguyên nhân chủ yếu do một số nền kinh tế lớn như Nhật Bản, Nga vẫn chưa thoát khỏi bờ vực suy thoái do còn nhiều khó khăn tồn tại. Nhật Bản đang phải đối mặt với việc đồng Yên tăng giá khiến xuất khẩu giảm liên tiếp và nhập khẩu cũng giảm do nhu cầu trong nước yếu, ngoài ra tiền lương tăng chậm và tiêu dùng cá nhân giảm cũng khiến cho tốc độ tăng trưởng trong năm 2016 chỉ đạt 0,51% so với 0,59% năm trước. Kinh tế Nga vẫn tiếp tục bị ảnh hưởng do các lệnh cấm vận từ phương Tây.

Mặc dù vậy, kinh tế thế giới năm qua vẫn có rất nhiều điểm nổi bật. Điển hình là kinh tế Mỹ đạt tốc độ tăng trưởng GDP lên tới 3,2% trong quý III/2016 và thị trường tiếp tục có những phản ứng tích cực sau khi nước này có Tân Tổng thống. Nền kinh tế lớn thứ 2 thế giới là Trung Quốc vẫn giữ được tốc độ tăng trưởng cao như dự kiến ở mức 6,5%. Liên minh Châu Âu (EU) đã giảm được tỷ lệ thất nghiệp, tăng lượng hàng hóa xuất khẩu và duy trì được tỷ lệ lạm phát thấp, tăng trưởng của khối đạt 1,5% trong năm 2016. Trong số các nền kinh tế mới nổi, Ấn Độ tiếp tục duy trì đà tăng trưởng nhanh nhất thế giới ở mức 7,6%, qua đó vượt qua Anh trở thành nền kinh tế lớn thứ 6 thế giới. Sự tác động tích cực nhất là việc các nước OPEC đưa ra quyết định cắt giảm 1,2 triệu thùng dầu/ngày vào tháng 11/2016, đây được xem là nỗ lực không chỉ giúp ổn định thị trường dầu mỏ nói riêng mà còn cả nền kinh tế thế giới nói chung.

Các diễn biến tích cực trên tác động mạnh đến thị trường chứng khoán thế giới trong năm 2016. Chỉ số NASDAQ tăng 7,5%, Dow Jones tăng 13,4% lên mức 19.762,60 điểm, S&P 500 tăng 9,5%. Ngoài ra chỉ số chứng khoán các nước Anh, Pháp, Đức cũng tăng mạnh. Đây chính là tiền đề để nền kinh tế thế giới tiếp tục đà phát triển trong năm tới.

## **1.2. Tình hình trong nước**

Trong năm 2016, tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam đạt 6,21%, sự sụt giảm sâu của công nghiệp khai khoáng và các yếu tố về môi trường như thiên tai, hạn hán là

những nguyên nhân chính khiến cho tăng trưởng kinh tế không đạt được 6,7% như mục tiêu đã đề ra. Lạm phát và tỷ giá vẫn được kiểm soát tốt. Mặt bằng lãi suất tiếp tục giảm, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp vay vốn sản xuất. Các giải pháp ổn định nền kinh tế vĩ mô, tái cấu trúc nền kinh tế đã được Chính phủ triển khai đồng bộ, từ đó rút ngắn thời gian và nâng cao được hiệu quả của các chính sách này. Mặc dù còn có những tồn tại, tuy nhiên thị trường chứng khoán Việt Nam đã đạt được một số kết quả nổi bật như sau:

- **Thị trường chứng khoán năm 2016 đã phản ánh khá rõ nét những chuyển biến tích cực trong nền kinh tế.** Chỉ số VN-Index đã lập đỉnh trong vòng 8 năm qua tại mức 688,89 ngày 19/10/2016 với thanh khoản trong phiên đạt 2.576 tỷ đồng.
- **Mức vốn hóa thị trường tiếp tục tăng mạnh.** Mức vốn hóa thị trường năm 2016 đạt 1,765 triệu tỷ đồng, tương đương 40% GDP và tăng 30% so với cùng kỳ năm 2015.
- **Huy động vốn qua thị trường chứng khoán tiếp tục được duy trì ở mức cao.** Tổng giá trị huy động vốn qua TTCK năm 2016 ước đạt 348 nghìn tỷ đồng, tăng 54% so với cùng kỳ năm 2015.
- **Tiếp tục đẩy mạnh quá trình cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước gắn với niêm yết.**

### **1.3. Tình hình công ty**

Trong năm 2016, thị trường đã có những diễn biến tích cực tác động đến thị trường chứng khoán nói chung và doanh thu của Công ty nói riêng. Doanh thu của Công ty tăng mạnh, đặc biệt ở doanh thu hoạt động môi giới và hoạt động tư vấn. Doanh thu hoạt động môi giới đạt 4.931.479.015 đồng tăng 23,16% so với năm 2015, doanh thu hoạt động tư vấn đạt 1.157.272.727 đồng tăng 45,57% so với năm 2015.

Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh đạt 7.264.726.750 đồng đạt 87,53% so với kế hoạch năm đề ra. Lợi nhuận sau thuế lỗ 4.666.781.715 đồng.

## 2. Tổ chức và nhân sự

### 2.1. Thông tin về Ban điều hành

#### ❖ Ông Nguyễn Quốc Hùng – Tổng Giám Đốc

Họ và tên:	NGUYỄN QUỐC HÙNG
Chức vụ:	Tổng Giám đốc
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	20-08-1965
CMND:	011019129, cấp ngày 30/03/2000 tại Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	Số 64 Ngõ Thổ Quan, Phố Khâm Thiên, Hà Nội
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:	(84 4) 3933 4666 (Ext: 186)
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế - Viện Đại học Mở
Quá trình công tác:	1983-1995: Nhân viên Xí nghiệp xăng dầu-Công ty xăng dầu khu vực 1 2000-2006: Trưởng phòng Môi giới Công ty Chứng khoán SSI
Chức vụ công tác hiện nay:	Chủ tịch Hội đồng quản trị, kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán ALPHA Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần LICOGI 13
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không
Số lượng cổ phần sở hữu	1.636.400
Loại cổ phần sở hữu	Phổ thông
Tỷ lệ	27,92%

## ❖ Ông Lê Văn Cường – Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên:	LÊ VĂN CƯỜNG
Chức vụ:	Phó Tổng Giám đốc
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	23-02-1973
CMND:	011663391, cấp ngày 24/05/2005 tại Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	150 L3, Thái Thịnh, Hà Nội
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:	(84 4) 3933 4666 (Ext: 308)
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế - Học Viện Ngân Hàng
Quá trình công tác:	- Từ 1995-1996 : Nhân viên Ngân hàng Vietcombank - Từ 1996-1998 : Chuyên viên – Ngân hàng Nhà nước - Từ 1998- 2007 : Chuyên viên - Ủy ban chứng khoán nhà nước
Chức vụ công tác hiện nay:	Thành viên Hội đồng quản trị, Phó tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán ALPHA
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không
Số lượng cổ phần sở hữu	41.000
Loại cổ phần sở hữu	Phổ thông

Tỷ lệ 0,70%

❖ **Bà Trương Thị Minh Thọ - Giám đốc khối Kinh doanh Chứng khoán**

Họ và tên: TRƯƠNG THỊ MINH THỌ  
 Chức vụ: Giám đốc khối Kinh doanh Chứng khoán  
 Giới tính: Nữ  
 Ngày tháng năm sinh: 14-12-1976  
 CMND: 011805590, cấp ngày 13/08/2007 tại Hà Nội  
 Quốc tịch: Việt Nam  
 Dân tộc: Kinh  
 Địa chỉ thường trú: Số 21, Ngõ 535, Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội  
 Số ĐT liên lạc ở cơ quan: (84 4) 3933 4666 (Ext: 206)  
 Trình độ văn hóa: 12/12  
 Trình độ chuyên môn: - Cử nhân Ngoại ngữ khoa tiếng Đức - Đại học Ngoại Ngữ Hà Nội  
 - Cử nhân Kinh tế - Học viện Ngân hàng  
 Quá trình công tác: - 2000 - 2006: Trưởng Bộ phận Dịch vụ Chứng khoán – Công ty cổ phần chứng khoán SSI  
 Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT, Giám đốc khối kinh doanh chứng khoán Công ty Cổ phần Chứng khoán ALPHA  
 Hành vi vi phạm pháp luật: Không  
 Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không  
 Những khoản nợ đối với Công ty: Không  
 Số lượng cổ phần sở hữu 190.000  
 Loại cổ phần sở hữu Phổ thông  
 Tỷ lệ 3,24%

❖ **Ông Võ Thanh Hải – Giám đốc khối Công nghệ thông tin**

Họ và tên: VÕ THANH HẢI

Chức vụ:	Giám đốc khối Công nghệ thông tin
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	23-09-1979
CMND:	011938058, cấp ngày 15/01/2011 tại Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	34 A1, Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:	(84 4) 3933 4666 (Ext: 613)
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư Công nghệ Thông tin – Đại học Bách Khoa
Quá trình công tác:	- 2003-2006 : Lập trình viên Công ty FPT
Chức vụ công tác hiện nay:	Giám đốc khối Công nghệ thông tin Công ty Cổ phần Chứng khoán ALPHA
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không
Số lượng cổ phần sở hữu	13.000
Loại cổ phần sở hữu	Phổ thông
Tỷ lệ	0,22%

## 2.2. Về nhân sự

Cơ cấu tổ chức và phát triển nhân sự: Trong năm 2016, Công ty tiến hành tuyển dụng thêm nhân sự để đáp ứng nhu cầu mở rộng hoạt động kinh doanh. Bộ máy tổ chức – nhân sự của Công ty từ cấp cao đến nhân viên đều được duy trì ổn định.

Việc đào tạo, tập huấn nghiệp vụ cũng được tổ chức thường xuyên nhằm nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ. Các nhân viên mới đều tham gia các khóa học về chứng chỉ chuyên môn do Trung tâm Nghiên cứu Khoa học và Đào tạo Chứng khoán tổ chức.

**3. Tình hình tài chính****3.1. Tình hình tài chính**

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Năm		% tăng/ giảm
	2016	2015	
Tổng giá trị tài sản	44.092.360.977	46.882.533.762	(5,95)
Doanh thu thuần	7.562.226.750	7.176.951.637	5,37
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(2.832.807.263)	(2.726.524.284)	(3,90)
Lợi nhuận khác	-	-	-
Lợi nhuận trước thuế	(2.832.807.263)	(2.726.524.284)	(3,90)
Lợi nhuận sau thuế	(4.666.782.165)	(3.717.064.430)	(25,55)
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-

**3.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

Chỉ tiêu	Năm	
	2016	2015
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>		
Hệ số thanh toán ngắn hạn	13,52	37,04
Hệ số thanh toán nhanh	13,52	37,04
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>		
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,068	0,024
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,073	0,024



<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>		
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	16,48%	15,31%
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>		
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	-64,24%	-51,79%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	-11,36%	-8,12%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	-10,58%	-7,93%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	-38,99%	-37,99%

#### **4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

##### **4.1. Cổ phần:**

Tổng số cổ phần đang lưu hành: 5.861.940 cổ phần

Số cổ phần chuyển nhượng tự do: 5.861.940 cổ phần

Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: không có

##### **4.2. Cơ cấu cổ đông:**

Tổng số cổ đông: 65 cổ đông, được phân bổ theo cơ cấu sau:

<b>Phân loại</b>	<b>Cổ đông lớn</b>	<b>Cổ đông nhỏ</b>	<b>Cổ đông tổ chức</b>	<b>Cổ đông cá nhân</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>Cổ đông nhà nước</b>	<b>Cổ đông khác</b>
Tỷ lệ	76,33%	23,67%	1,96%	98,04%	100%	0%	0%	100%
<b>Tổng</b>	<b>100 %</b>		<b>100 %</b>		<b>100 %</b>		<b>100 %</b>	

*Nguồn: Danh sách cổ đông APSC ngày 31/12/2016*

#### 4.3. Vốn điều lệ

Năm 2016, Công ty cổ phần chứng khoán Alpha không thay đổi vốn điều lệ.

Vốn điều lệ hiện tại: 58.619.400.000 đồng.

#### 4.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

### III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

#### Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016

**Bảng đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016**

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Kế hoạch Năm 2016	Thực hiện Năm 2016	Tỷ lệ %
<b>Doanh thu</b>	<b>8.300.000.000</b>	<b>7.562.226.750</b>	<b>87,53%</b>
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	5.000.000.000	4.931.479.015	98,63%
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	100.000.000	536.726.078	536,72%
Doanh thu hoạt động tư vấn	1.000.000.000	1.157.272.727	115,73%
Doanh thu lưu ký chứng khoán	200.000.000	137.703.787	68,85%
Doanh thu khác	3.000.000.000	799.045.143	26,63%
<b>Chi phí hoạt động kinh doanh</b>	<b>4.000.000.000</b>	<b>5.376.933.381</b>	<b>134,42%</b>
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>4,000,000,000</b>	<b>5.127.587.828</b>	<b>128,19%</b>
Thu nhập khác	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-
Lợi nhuận khác	-	-	-
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>300,000,000</b>	<b>(2.832.806.813)</b>	<b>-</b>

Theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán, kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016 của APSC cụ thể như sau:

#### ❖ Hoạt động môi giới – giao dịch chứng khoán

Trong năm 2016, hoạt động kinh doanh môi giới - giao dịch chứng khoán của Công ty có những thuận lợi nhất định. Thị trường chứng khoán có khởi sắc do những tín hiệu tích cực từ các chỉ số vĩ mô. APSC đã cố gắng duy trì chất lượng sản phẩm dịch vụ môi giới bằng kỹ năng và trình độ chuyên môn của đội ngũ nhân viên môi giới của Công ty, tiếp tục đảm bảo cung cấp đầy đủ và trung thực các thông tin của thị trường để giúp khách hàng nắm bắt được thông tin kịp thời, tìm kiếm và cung cấp cho khách hàng các cơ hội đầu tư phù hợp. Do nỗ lực của Công ty và những dấu hiệu tích cực từ thị trường Chứng khoán, doanh thu hoạt động môi giới của APSC đạt 4.931.479.015 đồng, tăng 23,16% so với năm 2015. Doanh thu môi giới có sự tăng trưởng mạnh trong năm, đạt được chỉ tiêu kế hoạch đề ra cho năm 2016 (đạt được 98,63% so với kế hoạch).

Hoạt động kinh doanh của bộ phận môi giới đều được thực hiện đúng quy định, không xảy ra bất kỳ sự cố cũng như khiếu kiện nào từ phía nhà đầu tư. Công ty luôn kịp thời cập nhật những quy định mới của UBCKNN và Bộ Tài Chính đến nhà đầu tư, duy trì mối quan hệ gắn bó với các khách hàng.

#### ❖ Hoạt động tư vấn Tài chính doanh nghiệp và phân tích đầu tư

Trong năm 2016, doanh thu hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp đạt 1.157.272.727 đồng, tăng 45,57% so với năm 2015 đạt 115,73% so với kế hoạch đề ra. Doanh thu từ hoạt động tư vấn vượt kế hoạch đề ra do:

- Do nền kinh tế Việt Nam nói riêng và nền kinh tế thế giới phục hồi khiến cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp khởi sắc. Để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, nhu cầu của doanh nghiệp về phát hành tăng vốn, niêm yết cổ phiếu ....và các dịch vụ tư vấn tài chính khác tăng cao;
- Đội ngũ cán bộ, nhân viên tư vấn ngày càng chuyên nghiệp, năng động và có kỹ năng cao trong các nghiệp vụ tư vấn tài chính.

- Đối với hoạt động phân tích đầu tư của Công ty, APSC vẫn duy trì các sản phẩm phân tích của mình để phục vụ cho nhu cầu Công ty cũng như các yêu cầu của khách hàng. Ngoài các sản phẩm định kỳ (bản tin đánh giá nhận định thị trường hàng ngày, tuần, tháng) bộ phận Phân tích Công ty đã thường xuyên đưa ra các Báo cáo phân tích Công ty, lập danh mục đầu tư cho từng thời kỳ. Các sản phẩm này nhận được phản hồi tốt từ phía khách hàng, qua đó phần nào hỗ trợ được hoạt động môi giới của Công ty.

#### ❖ Hoạt động lưu ký

Là một trong những nghiệp vụ cơ bản của APSC. Hoạt động này đã cung cấp cho khách hàng rất nhiều tiện ích như ký gửi và bảo quản chứng khoán để đảm bảo các quyền và lợi ích kịp thời cho khách hàng. Với việc lưu ký sớm chứng khoán, APSC đã hỗ trợ cho khách hàng kịp thời giao dịch. Ngoài ra khách hàng còn được cập nhập các thông tin kịp thời về cổ tức, giá chứng khoán và các thông tin liên quan đến cổ phiếu mà khách hàng đầu tư.

Trong năm Công ty đã thực hiện đầy đủ và chính xác các số liệu cũng như thủ tục lưu ký và thanh toán bù trừ, không xảy ra sai sót. Các thủ tục giấy tờ tiến hành nhanh chóng đã mang lại sự hài lòng cho khách hàng.

#### ❖ Hoạt động kinh doanh nguồn vốn và các dịch vụ hỗ trợ

Là một mảng hoạt động rất quan trọng trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gay gắt hiện nay. Trong năm 2016, Công ty đã chủ động tìm kiếm các nguồn tài chính từ các đối tác là Ngân hàng, Công ty tài chính nhằm hỗ trợ tối đa cho khách hàng cũng như tạo thêm lợi nhuận cho Công ty qua các dịch vụ hỗ trợ như: ứng trước tiền bán chứng khoán, Repo – cầm cố cổ phiếu, cho vay ký quỹ chứng khoán, v.v... Hoạt động này đã được Công ty triển khai với quan điểm thận trọng, chỉ hỗ trợ đối với những khách hàng đáp ứng yêu cầu về tài chính và có những danh mục đầu tư đảm bảo tính thanh khoản cao, đáp ứng được các tiêu chí mà Công ty đặt ra. Đề cao sự đảm bảo an toàn nên tổng giá trị doanh thu thực hiện được trong năm 2016 đạt được 506.925.378 đồng.

**Những tiến bộ đã đạt được:**

- Cơ cấu tổ chức linh hoạt, chuyên nghiệp hóa.
- Chất lượng dịch vụ ngày càng được nâng cấp, các quy trình nghiệp vụ được hoàn thiện giúp nâng cao chất lượng dịch vụ và Công ty kiểm soát được rủi ro.
- Cơ sở hạ tầng và phần mềm dịch vụ được liên tục đổi mới

**Các hạn chế còn tồn tại:**

Bên cạnh những tác động nặng nề từ tình hình kinh tế vĩ mô cũng như sự suy giảm của thị trường chứng khoán đã nói ở trên, chúng ta cũng còn nhiều mặt chưa làm được do những hạn chế trong nội tại Công ty, cụ thể là:

- Mặc dù đã rất cố gắng nhưng kết quả kinh doanh cho thấy các bộ phận trong Công ty chưa tìm ra được giải pháp hiệu quả để cải thiện tình hình kinh doanh trong bối cảnh thị trường chứng khoán hiện nay.
- Công nghệ thông tin: phần mềm giao dịch trong quá trình sử dụng tiếp tục cần chỉnh sửa, nâng cấp và hoàn thiện để đáp ứng những yêu cầu mới của cơ quan quản lý nhà nước và các yêu cầu mới của khách hàng trong khi chi phí nâng cấp cho hệ thống này còn hạn chế nên mới chỉ đáp ứng được những yêu cầu cơ bản.
- Thị phần, chất lượng dịch vụ: thị phần của Công ty có dấu hiệu giảm, chất lượng dịch vụ chưa tương xứng với mức phí của Công ty. Ngoài yếu tố thị trường, cũng có những nguyên nhân từ bên trong như: đội ngũ chuyên viên có trình độ cao còn hạn chế, thiếu kinh nghiệm, v.v...

**2. Tình hình tài chính****2.1. Tình hình tài sản**

Năm 2016 tổng tài sản cuối kỳ của Công ty đạt 44.092.360.977 đồng, giảm so với cuối kỳ năm 2015 là 5,95%. Chủ yếu do khoản phải thu bán các tài sản tài chính năm 2016 là 546.968.663 đồng giảm 1.246.666.337 đồng so với năm 2015.

## **2.2. Tình hình nợ phải trả**

Nợ phải trả của Công ty là 2,99 tỷ đồng, trong đó các khoản phải trả chủ yếu là khoản phải trả người bán, trả nhà đầu tư, không có nợ vay.

### ***Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý***

**Cơ cấu tổ chức:** Năm 2016, các bộ phận trong Công ty có thay đổi về nhân sự, thuyên chuyển, cắt giảm, tuyển dụng thêm nhân sự và tận dụng tốt hơn năng lực làm việc của nhân sự trong từng bộ phận.

**Về chính sách, quản lý:** Công ty tiếp tục ban hành các chính sách nhằm cải thiện và kiện toàn bộ máy quản lý của Công ty .

### ***Kế hoạch phát triển trong tương lai***

Sang năm 2017, dự báo kinh tế thế giới tăng trưởng khả quan, GDP toàn cầu dự kiến sẽ đạt trên 3% khi các nền kinh tế lớn đang dần lấy lại đà tăng trưởng trong giai đoạn gần đây.

Nền kinh tế Việt Nam năm 2017 được đánh giá có triển vọng tăng trưởng tốt và được dự đoán sẽ đạt mức 6,6%. Tỷ lệ lạm phát được dự báo vào khoảng 4% - 4,5%, vẫn cho thấy khả năng kiểm soát và đảm bảo mục tiêu lạm phát cả năm dưới 5% của Chính phủ.

Thị trường Chứng khoán Việt Nam hứa hẹn sẽ có một năm tăng trưởng mạnh mẽ do lượng hàng trên thị trường được dự báo sẽ cải thiện về cả số lượng và chất lượng khi Chính phủ tiếp tục đẩy mạnh hoạt động cổ phần hóa và niêm yết các doanh nghiệp nhà nước, ngoài ra lộ trình triển khai thị trường chứng khoán phái sinh hứa hẹn sẽ đem lại nhiều sản phẩm mới cho thị trường. Đây là cơ hội cũng là thách thức đối với Công ty, Công ty sẽ phát huy tối đa mọi nguồn nhân lực để có thể phát triển một cách bền vững, tiếp tục đầu tư, đào tạo để nâng cao tính chuyên nghiệp cũng như chuyên môn cho đội ngũ nhân viên trong toàn Công ty. Từ đó phát triển nhiều sản phẩm mới phục vụ thị trường tốt hơn.

Kế hoạch kinh doanh APSC năm 2017 như sau:

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Kế hoạch Năm 2017</b>	<b>Năm 2016</b>	<b>Tăng Giảm %</b>
<b>Doanh thu</b>	<b>15.000.000.000</b>	<b>7.562.226.750</b>	<b>98,35</b>
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	12.000.000.000	4.931.479.015	243,33
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	-	536.541.478	-
Doanh thu hoạt động tư vấn	2.000.000.000	1.157.272.727	72,82
Doanh thu lưu ký chứng khoán	-	137.703.787	-
Doanh thu khác	1.000.000.000	799.045.143	25,15
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh</b>	<b>-</b>	<b>7.562.226.750</b>	<b>-</b>
<b>Chi phí hoạt động kinh doanh</b>	<b>7.000.000.000</b>	<b>5.376.933.381</b>	<b>30,18</b>
<b>Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh</b>	<b>-</b>	<b>2.185.293.369</b>	<b>-</b>
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>5.127.587.828</b>	<b>(2,5)</b>
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>(2.832.807.263)</b>	<b>-</b>
<b>Thu nhập khác</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Chi phí khác</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>-</b>	<b>(2.832.807.263)</b>	<b>-</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>-</b>	<b>(4.666.782.165)</b>	<b>-</b>

#### **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty**

*Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty*

Trong bối cảnh khó khăn chung của toàn thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2016, Hội đồng quản trị ghi nhận nỗ lực của toàn bộ tập thể cán bộ Công ty, tuy nhiên do tác động tiêu cực từ thị trường chung nên kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2016 không được khả quan. Công ty đã ghi nhận lợi nhuận sau thuế ở mức lỗ 4.666.782.165 đồng.

### ***Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty***

Năm 2016, Hội đồng quản trị triển khai giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc thông qua các hình thức:

- Giám sát thông qua các báo cáo kết quả hoạt động hàng tháng, hàng quý
- Giám sát Ban Tổng giám đốc trong các cuộc họp giao ban công ty
- Giám sát thông qua các ý kiến đánh giá, kết luận của Ban kiểm soát về công tác quản trị điều hành của Ban Tổng Giám đốc và tình hình hoạt động của Công ty.

Kết quả giám sát: Ban Tổng giám đốc Công ty đã có những cố gắng rất lớn trong việc điều hành Công ty. Ban Tổng giám đốc chỉ đạo và thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao như: Điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty vượt qua thời kỳ khó khăn khủng hoảng của nền kinh tế, giữ được sự ổn định về vốn và các nguồn tài chính; Tiết giảm chi phí hoạt động; nâng cấp website Công ty; Thay đổi, tuyển mới, thuyên chuyển nhân sự hợp lý tận dụng tốt nguồn lực cũng như giúp nhân viên phát huy tốt năng lực của mình; Có những chiến lược thu hút nhà đầu tư tương đối hiệu quả.

Tuy vậy, những cố gắng của Ban giám đốc chưa đạt được kết quả như kế hoạch, doanh thu, lợi nhuận và chi phí kinh doanh trong năm đều không đạt kế hoạch đề ra.

### ***Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị***

Kinh tế Việt Nam dự báo tiếp tục tăng trưởng song tốc độ chậm. Do vậy, thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn tiếp tục có những diễn biến khó lường và tiềm ẩn nhiều rủi ro. Bên cạnh đó là sự cạnh tranh khốc liệt về thị phần giữa các công ty chứng khoán. Hội đồng quản trị đặt mục tiêu tiết giảm chi phí, tận dụng các nguồn lực hiện có, đào



tạo nhân sự hiện có và nâng cao chất lượng dịch vụ là những giải pháp căn bản để giảm bớt những khó khăn do hoàn cảnh thị trường chứng khoán suy giảm hiện nay gây ra.

Năm 2017, Hội đồng quản trị chỉ đạo thực hiện những công việc chính sau:

- Tiếp tục nâng cấp toàn bộ hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng với các yêu cầu và tiêu chuẩn giao dịch mới;
- Khai thác triệt để lợi thế của APSC trong việc mở rộng và phát triển khách hàng
- Tăng cường kiểm soát doanh thu, chi phí nhằm duy trì hoạt động kinh doanh có lãi, chống đỡ với những khó khăn của thị trường và sẵn sàng khi thị trường có cơ hội phục hồi
- Tiếp tục đẩy mạnh công tác quản trị và kiểm soát rủi ro, xây dựng Quy chế quản trị rủi ro chi tiết, cụ thể với từng nhóm rủi ro, từng bộ phận chuyên môn.
- Không ngừng hoàn thiện chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng;
- Tăng thị phần môi giới, mở rộng lĩnh vực tư vấn tài chính doanh nghiệp;
- Liên tục tuyển dụng và đào tạo các nhân tài phục vụ cho Công ty.

## V. Quản trị công ty

### 1. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty có 05 người như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tham gia điều hành/ Độc lập không điều hành	Cổ phần sở hữu và đại diện		Loại cổ phần sở hữu	Tỷ lệ
				Sở hữu	Đại diện		
1	Nguyễn Quốc Hùng	Chủ tịch HĐQT	Tổng giám đốc	1.636.400	0	Phổ thông	27,92%

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tham gia điều hành/ Độc lập không điều hành	Cổ phần sở hữu và đại diện		Loại cổ phần sở hữu	Tỷ lệ
				Sở hữu	Đại diện		
2	Lê Như Hùng	Phó Chủ tịch HĐQT	Độc lập không điều hành	0	115.000	Phổ thông	1,96%
3	Lê Văn Cường	Thành viên	Phó tổng giám đốc	41.000	0	Phổ thông	0,7%
4	Lê Đức Thắng	Thành viên	Độc lập không điều hành	0	0	Phổ thông	0%
5	Trương Thị Minh Thọ	Thành viên	TV Ban giám đốc	190.000	0	Phổ thông	3,24%

Hội đồng quản trị có 05 thành viên, trong đó 02 thành viên không điều hành là ông Lê Như Hùng và Lê Đức Thắng, 03 thành viên còn lại kiêm nhiệm chức vụ quản lý và điều hành công ty, hưởng lương hàng tháng.

Tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông (ngày 31/12/2016) 05 thành viên Hội đồng quản trị sở hữu trực tiếp 1.867.400 cổ phiếu, chiếm 31,86% và đại diện sở hữu 115.000 cổ phần, tương đương 1,96%.

#### **Hoạt động của Hội đồng quản trị:**

- Triển khai việc tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 đến Ban điều hành và các bộ phận trong Công ty.

- Bàn bạc với Ban kiểm soát quyết định lựa chọn Công ty kiểm toán (Trong số các Công ty kiểm toán được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận) để Tổng giám đốc ký hợp đồng thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính Công ty.
- HĐQT Công ty đã thực hiện nghiêm túc Báo cáo tình hình quản trị Công ty định kỳ 06 tháng và năm gửi Ủy ban chứng khoán Nhà nước theo đúng Quy định của Pháp luật.
- Giám sát những người quản lý Công ty trong việc thực hiện nhiệm vụ, nhìn chung năm 2015 đa số những người quản lý điều hành Công ty thực hiện nhiệm vụ một cách năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm và dám chịu trách nhiệm. Công tác quản lý điều hành thực hiện một cách nghiêm túc và cẩn trọng theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.
- Trực tiếp bàn bạc, chỉ đạo và góp ý với Tổng giám đốc, cùng Tổng giám đốc đưa ra những biện pháp cụ thể để tháo gỡ những khó khăn trong kinh doanh.
- Cùng với các kiểm toán viên của Công ty kiểm toán độc lập xem xét tính hợp lý, hợp lệ và các vấn đề khác của Báo cáo tài chính năm 2015, báo cáo tài chính đã được kiểm toán và công bố theo đúng quy định của pháp luật và điều lệ công ty.

Trước những biến động của thị trường chứng khoán, năm 2015, Hội đồng quản trị đã tập trung chỉ đạo, giám sát kịp thời, hỗ trợ hoạt động của Ban Tổng giám đốc thông qua việc ban hành các nghị quyết, quyết định liên quan đến lĩnh vực hoạt động kinh doanh và tổ chức nhân sự của Công ty phù hợp với pháp luật và quy chế, quy định của công ty, bám sát mục tiêu kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông đã giao.

Ngoài các cuộc họp định kỳ, các thành viên Hội đồng quản trị thường xuyên trao đổi thông tin linh hoạt thông qua văn bản, fax, email, v.v... Nội dung chính thảo luận tại các phiên họp sau khi đạt được sự thống nhất giữa các thành viên Hội đồng quản trị được thể chế thành Nghị quyết Hội đồng quản trị. Trong năm 2016, Hội đồng quản trị triệu tập 4 lần với các nội dung chính như sau:

- Thông qua kết quả kinh doanh năm 2015 theo Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2015; Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2016.

- Đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh 06 tháng đầu năm 2016 và thông qua phương hướng, nhiệm vụ cho các tháng tiếp theo.
- Thông qua Báo cáo tài chính quý III/2016; Đánh giá kết quả kinh doanh quý III/2016 và đề ra phương hướng, nhiệm vụ cho Quý IV/2016.
- Đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh năm 2016 và Thông qua phương hướng nhiệm vụ năm 2017.

### **Ban Kiểm soát**

#### **a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:**

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tham gia điều hành/ Độc lập không điều hành	Cổ phần sở hữu và đại diện		Loại cổ phần sở hữu	Tỷ lệ
				Sở hữu	Đại diện		
1	Lê Thành Trung	Trưởng Ban kiểm soát	Độc lập không điều hành	575.000	0	Phổ thông	9.81%
2	Nguyễn Đặng Bảo Linh	Thành viên	Độc lập không điều hành	30.000	0	Phổ thông	0.51%
3	Đỗ Bích Ngọc	Thành viên	Độc lập không điều hành	0	0	Phổ thông	0

#### **b) Hoạt động của Ban kiểm soát:**

Trong năm 2016, Ban kiểm soát công ty nhận được sự hỗ trợ của Hội đồng quản trị và Ban điều hành trong việc thực hiện nhiệm vụ. Ban kiểm soát hoạt động một cách chủ động theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty, cụ thể:

- Tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị và Ban điều hành công ty đều mời các thành viên Ban kiểm soát tham dự.
- Tham gia ý kiến với HĐQT trong các vấn đề: Tổng kết hoạt động và xây dựng kế hoạch, chỉ định công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán Công ty, bàn bạc thực hiện chiến lược kinh doanh của Công ty đã công bố.
- Giám sát việc chấp hành nghĩa vụ của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật (bao gồm các nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các nghĩa vụ tài chính khác); Trong năm 2016 tất cả các vấn đề này được Công ty chấp hành tốt.

Trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình, Ban kiểm soát không nhận bất cứ một khoản thù lao nào.

***Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát***

- a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: Do tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2016 gặp nhiều khó khăn, các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát tình nguyện không nhận bất cứ một khoản thù lao nào.
- b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có
- c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

**VI. Báo cáo tài chính (đính kèm)**

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA  
CÔNG TY**



**NGUYỄN QUỐC HÙNG**



# CPA HANOI

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ALPHA**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

*kèm theo*

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**  
**CỦA KIỂM TOÁN VIÊN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ALPHA**

Địa chỉ: Số 2, Phạm Ngũ Lão, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (04) 3933 4666 Fax: (04) 3933 4668

**MỤC LỤC**

*Trang*

<b>BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	01 - 03
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP CỦA KIỂM TOÁN VIÊN</b>	04 - 05
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
<i>Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	06 - 08
<i>Báo cáo kết quả hoạt động năm 2016</i>	09 - 10
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2016</i>	11 - 12
<i>Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu năm 2016</i>	13
<i>Bàn thuyết minh báo cáo tài chính năm 2016</i>	14 - 50

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ALPHA

Địa chỉ: Số 2, Phạm Ngũ Lão, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội  
Điện thoại: (04) 3933 4666 Fax: (04) 3933 4668

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

#### CÔNG TY

Thành lập:	Giấy phép số 44/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2006 và các giấy phép điều chỉnh sau này.
Vốn điều lệ:	58.619.400.000 đồng Việt Nam.
Hoạt động chính trong năm:	Môi giới chứng khoán; Lưu ký chứng khoán; Tư vấn tài chính.
Trụ sở chính:	Số 2, Phạm Ngũ Lão, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.
Chi nhánh Hồ Chí Minh:	151 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

#### TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính đính kèm.

#### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

##### Hội đồng Quản trị

<i>Họ và tên</i>	<i>Vị trí</i>
Ông Nguyễn Quốc Hùng	Chủ tịch
Ông Lê Như Hùng	Phó chủ tịch
Ông Lê Văn Cường	Thành viên
Bà Trương Thị Minh Thọ	Thành viên
Ông Lê Đức Thắng	Thành viên

##### Ban Tổng Giám đốc

<i>Họ và tên</i>	<i>Vị trí</i>
Ông Nguyễn Quốc Hùng	Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Cường	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc khối Tư vấn tài chính doanh nghiệp
Bà Trương Thị Minh Thọ	Giám đốc khối Kinh doanh chứng khoán
Ông Võ Thanh Hải	Giám đốc khối Công nghệ thông tin



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ALPHA**

Địa chỉ: Số 2, Phạm Ngũ Lão, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội  
Điện thoại: (04) 3933 4666 Fax: (04) 3933 4668

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT (tiếp theo)**

**Ban Kiểm soát**

<b>Họ và tên</b>	<b>Vị trí</b>
Ông Lê Thành Trung	Trưởng ban
Bà Nguyễn Đặng Bảo Linh	Thành viên
Bà Đỗ Bích Ngọc	Thành viên

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Quốc Hùng.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội - Chi nhánh Hồ Chí Minh (CPA HANOI) đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 cho Công ty.

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ALPHA**

Địa chỉ: Số 2, Phạm Ngũ Lão, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (04) 3933 4666 Fax: (04) 3933 4668

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

**PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính kèm theo. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán công ty chứng khoán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**Nguyễn Quốc Hùng**  
**Tổng Giám đốc**

*Thành phố Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2017*



**CÔNG TY KIỂM TOÁN & KẾ TOÁN HÀ NỘI - CN TP.HCM**

296 Phan Xích Long, P.2, Q.Phú Nhuận, TP.HCM

Tel: (848) 3517.1936 - Fax: (848) 3517.1935

Email: info.hcm@cpahanoi.com - www.cpahanoi.com

*Số tham chiếu: 17-2-0009/BCKT-BCTC-CPAHANOI-CNHCM*

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha (“Công ty”), bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính, được lập ngày 27 tháng 03 năm 2017, từ trang 06 đến trang 50.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán công ty chứng khoán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### ***Ý kiến của Kiểm toán viên***

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán công ty chứng khoán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### ***Vấn đề cần nhấn mạnh***

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 8 Bản thuyết minh báo cáo tài chính về khoản đầu tư vào chứng khoán chưa niêm yết trị giá 15.568.770.000 đồng vượt quá 20% vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2016 (vốn chủ sở hữu thuần của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 41.094.471.458 đồng). Công ty có cam kết sẽ giảm tỷ lệ đầu tư về đúng hạn mức theo quy định. Công ty chưa lập dự phòng đối với khoản đầu tư này do không thể xác định giá tham chiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 một cách đáng tin cậy.

Chúng tôi cũng lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 6c Bản thuyết minh báo cáo tài chính về các khoản phải thu bán các tài sản tài chính. Đây là các khoản đầu tư theo các hợp đồng hợp tác kinh doanh chứng khoán, Công ty đang trong quá trình tất toán các khoản đầu tư này.

Ngoài ra, chúng tôi cũng lưu ý người đọc đến thuyết minh số 40 về việc trình bày lại thông tin so sánh do việc thay đổi chế độ kế toán.

Báo cáo kiểm toán được lập thành 11 (mười một) bản, các bản có giá trị pháp lý như nhau. Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha giữ 10 (mười) bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội – chi nhánh Hồ Chí Minh giữ 01 (một) bản.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội – Chi nhánh Hồ Chí Minh**



**Tô Quang Tùng – Giám đốc**  
Số Giấy CN ĐKHN: 0270-2013-016-1

**Hồ Đình Phúc – Kiểm toán viên**  
Số Giấy CN ĐKHN: 1268-2015-016-1

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2017*

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

<i>TÀI SẢN</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Cuối năm VND</i>	<i>Đầu năm VND</i>
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>40.534.647.867</b>	<b>41.636.618.960</b>
<i>Tài sản tài chính</i>	<i>110</i>		<i>40.224.486.495</i>	<i>41.495.101.058</i>
Tiền và các khoản tương đương tiền	111	4	18.782.537.377	18.553.218.567
<i>Tiền</i>	<i>111.1</i>		<i>12.932.537.377</i>	<i>1.453.218.567</i>
<i>Các khoản tương đương tiền</i>	<i>111.2</i>		<i>5.850.000.000</i>	<i>17.100.000.000</i>
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	112	6a	19.616.486.200	19.617.799.817
Các khoản cho vay	114	6b	4.923.715.945	5.258.107.435
Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116	8	(4.061.804.163)	(3.891.651.517)
Các khoản phải thu	117		854.321.997	1.828.092.778
<i>Phải thu bán các tài sản tài chính</i>	<i>117.1</i>	<i>6c</i>	<i>546.968.663</i>	<i>1.793.635.000</i>
<i>Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận</i>	<i>117.3</i>	<i>6d</i>	<i>307.353.334</i>	<i>34.457.778</i>
Trả trước cho người bán	118		36.790.000	33.927.000
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	09	49.197.760	44.070.349
Các khoản phải thu khác	122	10	174.677.855	164.192.162
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129	11	(151.436.476)	(112.655.533)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>130</b>		<b>310.161.372</b>	<b>141.517.902</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	133	12	202.950.807	34.000.000
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134	13	86.342.130	86.342.130
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	136		20.868.435	21.175.772
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>3.557.713.110</b>	<b>5.245.914.802</b>
<i>Tài sản cố định</i>	<i>220</i>		<i>202.149.586</i>	<i>343.070.290</i>
Tài sản cố định hữu hình	221	14	89.816.259	181.914.378
<i>Nguyên giá</i>	<i>222</i>		<i>6.433.218.835</i>	<i>6.433.218.835</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	<i>223a</i>		<i>(6.343.402.576)</i>	<i>(6.251.304.457)</i>
Tài sản cố định vô hình	227	15	112.333.327	161.155.912
<i>Nguyên giá</i>	<i>228</i>		<i>1.485.162.000</i>	<i>1.485.162.000</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	<i>229a</i>		<i>(1.372.828.673)</i>	<i>(1.324.006.088)</i>
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>250</b>		<b>3.355.563.524</b>	<b>4.902.844.512</b>
Chi phí trả trước dài hạn	252	12	66.981.288	42.881.632
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	253	16	1.225.863.293	3.059.838.195
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	254	17	2.062.718.943	1.800.124.685
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>44.092.360.977</b>	<b>46.882.533.762</b>

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

<i>NGUỒN VỐN</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Cuối năm VND</i>	<i>Đầu năm VND</i>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>2.997.889.519</b>	<b>1.121.280.139</b>
<i>Nợ phải trả ngắn hạn</i>	<i>310</i>		<i>2.997.889.519</i>	<i>1.121.280.139</i>
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	18	117.422.761	-
Phải trả người bán ngắn hạn	320	19	701.221.774	363.519.097
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321	20	700.750.000	279.750.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	21	628.557.149	130.748.438
Chi phí phải trả ngắn hạn	325	22	473.889.817	203.319.629
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	327		-	2.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	23	351.055.894	116.950.851
Quỹ khen thưởng phúc lợi	331		24.992.124	24.992.124
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>41.094.471.458</b>	<b>45.761.253.623</b>
<i>Vốn chủ sở hữu</i>	<i>410</i>		<i>41.094.471.458</i>	<i>45.761.253.623</i>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		60.399.250.000	60.399.250.000
<i>Vốn góp của chủ sở hữu</i>	<i>411.1</i>	<i>24</i>	<i>58.619.400.000</i>	<i>58.619.400.000</i>
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411.1a</i>		<i>58.619.400.000</i>	<i>58.619.400.000</i>
<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	<i>411.2</i>		<i>1.779.850.000</i>	<i>1.779.850.000</i>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		382.686.493	382.686.493
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		426.206.694	426.206.694
Lợi nhuận chưa phân phối	417		(20.113.671.729)	(15.446.889.564)
<i>Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện</i>	<i>417.1</i>		<i>(20.113.671.729)</i>	<i>(15.446.889.564)</i>
<b>TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>440</b>		<b>44.092.360.977</b>	<b>46.882.533.762</b>

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Cuối năm VND</i>	<i>Đầu năm VND</i>
<b>TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT</b>				
Cổ phiếu đang lưu hành (số lượng)	006	25	5.861.940	5.861.940
Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	008	26	758.460.000	759.760.000
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	012		5.950.000.000	5.950.000.000
<b>TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG</b>				
Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021		725.764.440.000	398.778.350.000
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		496.127.650.000	385.501.670.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	021.3		36.656.780.000	-
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	021.4		190.391.510.000	3.254.880.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		2.588.500.000	10.021.800.000
<b>Tiền gửi của khách hàng</b>	<b>026</b>		<b>8.615.603.340</b>	<b>8.149.678.230</b>
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027		8.615.603.340	8.149.678.230
<b>Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</b>	<b>031</b>		<b>8.615.603.340</b>	<b>8.149.678.230</b>
Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		8.559.698.008	8.103.161.665
Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.2		55.905.332	46.516.565

Nguyễn Hoài Vân  
Người lập biểu

Vũ Thúy Anh  
Kế toán trưởng



Nguyễn Quốc Hùng  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2017

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
<b>DOANH THU HOẠT ĐỘNG</b>				
Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		536.726.078	68.353.800
<i>Lãi bán tài sản tài chính FVTPL</i>	<i>01.1</i>	<i>29a</i>	<i>184.600</i>	<i>-</i>
<i>Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL</i>	<i>01.3</i>	<i>29b</i>	<i>536.541.478</i>	<i>68.353.800</i>
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	30	506.925.378	1.962.524.186
Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06		4.931.479.015	4.004.141.981
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09		137.703.787	118.459.048
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10		1.157.272.727	795.000.000
Thu nhập hoạt động khác	11	31	292.119.765	228.472.622
<b>Cộng doanh thu hoạt động (20 = 01 -&gt; 11)</b>	<b>20</b>		<b>7.562.226.750</b>	<b>7.176.951.637</b>
<b>CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>				
Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	21	32	170.692.363	(454.540.400)
<i>Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL</i>	<i>21.1</i>	<i>29a</i>	<i>539.717</i>	<i>175.831.868</i>
<i>Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL</i>	<i>21.2</i>		<i>170.152.646</i>	<i>(630.372.268)</i>
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27		4.106.564.171	5.156.007.356
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30		285.451.863	175.440.652
Chi phí nghiệp vụ tư vấn tài chính	31		813.724.984	-
Chi phí các dịch vụ khác	32		500.000	-
<b>Cộng chi phí hoạt động (40 = 21 -&gt; 32)</b>	<b>40</b>		<b>5.376.933.381</b>	<b>4.876.907.608</b>
<b>DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42	33	109.487.196	222.840.735
<b>Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 41 -&gt; 44)</b>	<b>50</b>		<b>109.487.196</b>	<b>222.840.735</b>
<b>CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>				
Chi phí lãi vay	52		-	80.708.332
<b>Cộng chi phí tài chính (60 = 51 -&gt; 55)</b>	<b>60</b>		<b>-</b>	<b>80.708.332</b>
<b>CHI PHÍ QUẢN LÝ CTCK</b>				
	62	34	5.127.587.828	5.168.700.716
<b>KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70=20+50-40-60-62)</b>	<b>70</b>		<b>(2.832.807.263)</b>	<b>(2.726.524.284)</b>



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
<b>TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70)</b>	<b>90</b>		<b>(2.832.807.263)</b>	<b>(2.726.524.284)</b>
Lợi nhuận đã thực hiện	91		(2.832.807.263)	(2.726.524.284)
Lợi nhuận chưa thực hiện	92		-	-
<b>CHI PHÍ THUẾ TNDN</b>	<b>100</b>		<b>1.833.974.902</b>	<b>990.540.146</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	35	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2	35	1.833.974.902	990.540.146
<b>LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200=90-100)</b>	<b>200</b>		<b>(4.666.782.165)</b>	<b>(3.717.064.430)</b>
<b>THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG</b>	<b>500</b>			
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	501	36	(796)	(634)

Nguyễn Hoài Vân  
Người lập biểu

Vũ Thúy Anh  
Kế toán trưởng



Nguyễn Quốc Hùng  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2017

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 (theo phương pháp trực tiếp)  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
Tiền đã thu từ bán các tài sản tài chính	02		958.500	-
Tiền đã chi nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	03		(45.861.215)	(253.940.035)
Tiền lãi đã thu	05		300.632.265	188.382.957
Tiền chi trả lãi vay cho hoạt động của CTCK	06		-	(13.541.667)
Tiền chi trả tổ chức cung cấp dịch vụ cho CTCK	07		(691.162.229)	(613.009.729)
Tiền chi trả cho người lao động	08		(3.934.477.486)	(4.200.184.408)
Tiền chi nộp thuế liên quan đến hoạt động công ty chứng khoán	09		(655.246.654)	(191.329.450)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	11		138.351.756.942	160.937.436.792
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	12		(133.097.281.313)	(142.272.454.667)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>229.318.810</b>	<b>13.581.359.793</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	21		-	(100.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác	24		-	116.500.000
Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	25		-	68.353.800
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>-</b>	<b>84.853.800</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền vay gốc	33		-	4.500.000.000
<i>Tiền vay khác</i>	33.2		-	4.500.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(3.500.000.000)
<i>Tiền chi trả gốc vay khác</i>	34.3		-	(3.500.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>-</b>	<b>1.000.000.000</b>
<b>Tăng/(giảm) tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>229.318.810</b>	<b>14.666.213.593</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>4</b>	<b>18.553.218.567</b>	<b>3.887.004.974</b>
Tiền	61		1.453.218.567	3.887.004.974
Các khoản tương đương tiền	62		17.100.000.000	-

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 50 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)**  
 (theo phương pháp trực tiếp)  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70=50+60)</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>18.782.537.377</b>	<b>18.553.218.567</b>
Tiền	71		12.932.537.377	1.453.218.567
Các khoản tương đương tiền	72		5.850.000.000	17.100.000.000

**PHÂN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG**

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
<b>Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng</b>				
Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho KH	01		1.350.250.300.620	529.298.331.598
Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho KH	02		(1.349.662.751.979)	(530.481.998.131)
Chi trả phí lưu ký chứng khoán của KH	09		(121.623.531)	(91.552.642)
<b>Tăng/(giảm) tiền thuần trong năm</b>	<b>20</b>		<b>465.925.110</b>	<b>(1.275.219.175)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng</b>	<b>30</b>		<b>8.149.678.230</b>	<b>9.424.897.405</b>
Tiền gửi ngân hàng đầu năm	31		8.149.678.230	9.424.897.405
<i>Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>	32		8.149.678.230	9.424.897.405
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng (40=20+30)</b>	<b>40</b>		<b>8.615.603.340</b>	<b>8.149.678.230</b>
Tiền gửi ngân hàng cuối năm	41		8.615.603.340	8.149.678.230
<i>Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>	42		8.615.603.340	8.149.678.230



**Nguyễn Hoài Vân**  
 Người lập biểu



**Vũ Thúy Anh**  
 Kế toán trưởng



**Nguyễn Quốc Hùng**  
 Tổng Giám đốc

Thành phố Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2017

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Chi tiêu	Số đầu năm		Số tăng/(giảm)				Số cuối năm	
	Năm trước	Năm nay	Năm trước		Năm nay		Năm trước	Năm nay
	VND	VND	Tăng VND	(Giảm) VND	Tăng VND	(Giảm) VND	VND	VND
<b>I Biến động Vốn chủ sở hữu</b>								
1 Vốn góp của chủ sở hữu	60.399.250.000	60.399.250.000	-	-	-	-	60.399.250.000	60.399.250.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	58.619.400.000	58.619.400.000	-	-	-	-	58.619.400.000	58.619.400.000
<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	1.779.850.000	1.779.850.000	-	-	-	-	1.779.850.000	1.779.850.000
2 Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	382.686.493	382.686.493	-	-	-	-	382.686.493	382.686.493
3 Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	426.206.694	426.206.694	-	-	-	-	426.206.694	426.206.694
4 Lợi nhuận chưa phân phối	(11.729.825.134)	(15.446.889.564)	-	3.717.064.430	-	4.666.782.165	(15.446.889.564)	(20.113.671.729)
<i>Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện</i>	(11.729.825.134)	(15.446.889.564)	-	3.717.064.430	-	4.666.782.165	(15.446.889.564)	(20.113.671.729)
<b>Cộng</b>	<b>49.478.318.053</b>	<b>45.761.253.623</b>	<b>-</b>	<b>3.717.064.430</b>	<b>-</b>	<b>4.666.782.165</b>	<b>45.761.253.623</b>	<b>41.094.471.458</b>



Nguyễn Hoài Vân  
Người lập biểu



Vũ Thúy Anh  
Kế toán trưởng



Nguyễn Quốc Hùng  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2017

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

***Thành lập***

Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo:

- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103015116 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19 tháng 12 năm 2006 và sửa đổi lần 1 vào ngày 22 tháng 12 năm 2006;
- Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 44/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 12 năm 2006;
- Quyết định số 64/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 21 tháng 08 năm 2007 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty;
- Quyết định số 133/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 18 tháng 06 năm 2008 về việc tăng vốn điều lệ của Công ty;
- Giấy phép số 211/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 07 tháng 03 năm 2009 về việc điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 44/UBCK-GPHĐKD được rút bớt nghiệp vụ tự doanh chứng khoán.

Trụ sở chính tại số 2 Phạm Ngũ Lão, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh tại 151 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

***Điều lệ hoạt động***

Điều lệ hoạt động của Công ty ban hành lần đầu năm 2006, sửa đổi bổ sung ngày 11 tháng 09 năm 2010.

***Quy mô vốn***

Vốn cổ phần của Công ty là 58.619.400.000 đồng.

***Mục tiêu hoạt động:*** Hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán; cung cấp các dịch vụ đáp ứng nhu cầu đầu tư vào chứng khoán của nhà đầu tư tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước; tư vấn tài chính doanh nghiệp; thực hiện các dịch vụ khác có liên quan đến đầu tư; mang lại cổ tức cao cho các cổ đông; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước; tạo tích lũy cho Công ty nhằm phát triển kinh doanh ngày càng lớn mạnh.

***Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ:*** Môi giới chứng khoán, Lưu ký chứng khoán, Tư vấn tài chính.

***Hạn chế đầu tư***

Công ty thực hiện theo quy định tại Điều 44 “Hạn chế đầu tư” Thông tư 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn thành lập công ty chứng khoán và Khoản 14, Điều 1 Thông tư 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính. Một số nội dung hạn chế đầu tư theo các quy định hiện hành như sau:

**Đầu tư bất động sản, tài sản cố định**

Công ty không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của Công ty. Giá trị còn lại của bất động sản và tài sản cố định được đầu tư không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của Công ty.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

***Hạn chế đầu tư (tiếp theo)***

**Đầu tư trái phiếu**

Công ty hiện không được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán. Nếu Công ty được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán thì Công ty được mua bán lại trái phiếu niêm yết nhưng tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp không được vượt quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu.

**Đầu tư tài chính**

Công ty không được đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh, cụ thể:

Công ty không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:

- Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty khác có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của Công ty;
- Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
- Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
- Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, ngoại trừ đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
- Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
- Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh.

***Nhân viên***

Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 26 người, trong đó có 16 người có chứng chỉ hành nghề chứng khoán (ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 33 người, trong đó có 18 người có chứng chỉ hành nghề chứng khoán).

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**2. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VÀ TUYÊN BỐ TUÂN THỦ**

***Kỳ kế toán***

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán đầu tiên bắt đầu từ ngày 19 tháng 12 năm 2006 (ngày được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh) và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007.

***Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán***

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán và lập báo cáo tài chính bằng đồng Việt Nam (VND).

***Hình thức kế toán áp dụng***

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung và thực hiện trên phần mềm kế toán trên máy vi tính.

***Chế độ kế toán áp dụng***

Công ty áp dụng chế độ kế toán công ty chứng khoán Việt Nam ban hành theo Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư 334/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 27 tháng 12 năm 2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014.

***Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán***

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày trên cơ sở tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan và chế độ kế toán công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư 334/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 27 tháng 12 năm 2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

***3.1 Thay đổi chế độ kế toán***

Ngày 30 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 210/2014 TT-BTC hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán (“Thông tư 210”). Thông tư này thay thế Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính về hướng dẫn, sửa đổi bổ sung Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán. Thông tư có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Ngày 27 tháng 12 năm 2016, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 334/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán (“Thông tư 334”).

Những thay đổi quan trọng do áp dụng Thông tư 210 và Thông tư 334 bao gồm:

- Thay đổi tên và hình thức các báo cáo tài chính: Bảng cân đối kế toán được đổi tên thành Báo cáo tình hình tài chính, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được đổi tên thành Báo cáo kết quả hoạt động, lưu chuyển tiền tệ của hoạt động môi giới và ủy thác của nhà đầu tư được trình bày riêng như một phần của báo cáo tài chính cơ bản.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.1 Thay đổi chế độ kế toán (tiếp theo)**

- Tài sản tài chính được phân thành bốn (4) loại là tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, tài sản tài chính sẵn sàng để bán, tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản cho vay.
- Quản lý tách biệt tài sản của công ty chứng khoán và của nhà đầu tư trên các khoản mục tiền gửi, chứng khoán, các khoản phải trả.

Công ty đã trình bày lại dữ liệu tương ứng của năm trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 210 và Thông tư 334 trong báo cáo tài chính năm nay như đã trình bày tại thuyết minh số 40.

**3.2 Các chính sách kế toán đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực**

Ngày 20 tháng 11 năm 2015, Quốc hội đã thông qua Luật kế toán số 88/2015/QH13 (“Luật kế toán mới”). Luật kế toán mới bổ sung thêm quy định về chứng từ điện tử, đồng thời đưa ra quy định về việc áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý đối với một số loại tài sản và nợ phải trả mà giá trị của chúng biến động thường xuyên theo giá thị trường và có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Luật kế toán mới có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

**3.3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.4 Nguyên tắc và phương pháp kế toán tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS), nợ tài chính**

***Nguyên tắc phân loại FVTPL, HTM, các khoản cho vay và phải thu, AFS***

Tài sản tài chính (TSTC) được phân loại thành các loại sau đây dựa trên bản chất và mục đích sở hữu tại ngày phát sinh.

**Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)**

TSTC được phân loại theo FVTPL khi TSTC đó được nắm giữ để mua bán và được ghi nhận theo FVTPL tại ghi nhận ban đầu. Tất cả công cụ phái sinh bao gồm phái sinh đính kèm, tách biệt với hợp đồng chủ được phân loại là chứng khoán giao dịch, trừ khi chúng được chỉ định và là công cụ phòng ngừa rủi ro.

**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)**

Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là TSTC không phái sinh với việc thanh toán là cố định hay xác định được và ngày đáo hạn là cố định mà Công ty đã có ý định tích cực và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn.

**Cho vay và phải thu**

TSTC không phái sinh với việc hoàn trả lại là cố định hay xác định được mà không được yết giá trên một thị trường hoạt động được phân loại là khoản cho vay và phải thu.

**Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)**

TSTC không phái sinh mà không được phân loại là HTM, nắm giữ để mua bán; được chỉ định là theo FVTPL; hoặc cho vay và phải thu thì được phân loại là AFS.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.4 Nguyên tắc và phương pháp kế toán tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS), nợ tài chính (tiếp theo)**

***Nguyên tắc phân loại nợ tài chính***

Nợ tài chính được phân loại là nợ tài chính theo FVTPL hoặc nợ tài chính xác định theo chi phí phân bổ.

**Nợ tài chính theo FVTPL**

Nợ tài chính theo FVTPL bao gồm một khoản nợ tài chính nắm giữ để mua bán và một khoản nợ tài chính được chỉ định là theo FVTPL. Tất cả công cụ phái sinh bao gồm phái sinh đi kèm tách biệt với hợp đồng chủ được phân loại là nợ tài chính nắm giữ để mua bán trừ khi chúng được chỉ định và là công cụ phòng ngừa hiệu quả. Tiêu chí để chỉ định nợ tài chính theo FVTPL trên ghi nhận ban đầu giống với các tiêu chí tài sản tài chính theo FVTPL.

**Nợ tài chính xác định theo chi phí phân bổ**

Các khoản nợ tài chính mà không được phân theo FVTPL thì được phân loại là nợ tài chính xác định theo chi phí phân bổ.

***Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp kế toán ghi nhận giá trị đánh giá lại tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường)***

Giá thị trường làm căn cứ đánh giá lại được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại;
- Đối với chứng khoán đăng ký giao dịch (cổ phiếu đăng ký giao dịch tại Upcom) là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại;
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của 3 công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá 1 tháng tính đến ngày đánh giá lại. Trường hợp chứng khoán không có giao dịch thực tế phát sinh trong khoảng thời gian trên thì không thực hiện đánh giá lại;
- Đối với những chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

Chênh lệch tăng/giảm giữa giá trị tài sản tài chính và giá trị đánh giá lại được hoàn nhập/lập dự phòng. Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí tài chính trong kỳ.

Đối với các khoản cho vay, Công ty đánh giá tổn thất có khả năng xảy ra do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình theo cam kết vay và sẽ trích lập dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay. Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí hoạt động trong kỳ.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

**3.4 Nguyên tắc và phương pháp kế toán tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS), nợ tài chính (tiếp theo)**

**Nguyên tắc bù trừ tài sản tài chính và nợ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

**Nguyên tắc dừng ghi nhận tài sản tài chính và nợ tài chính**

Công ty dừng ghi nhận một tài sản tài chính khi quyền nhận được luồng tiền từ tài sản tài chính hết hạn hoặc khi chuyển giao tài sản tài chính cùng với phần lớn rủi ro và lợi ích từ quyền sở hữu tài sản đó cho người nhận tài sản tài chính. Nếu Công ty không chuyển giao cũng không giữ lại phần lớn rủi ro và lợi ích từ quyền sở hữu tài sản đó và tiếp tục kiểm soát tài sản đã chuyển giao, Công ty ghi nhận lợi ích còn lại của tài sản đó và các khoản công nợ liên quan đến việc kiểm soát tài sản. Công ty dừng ghi nhận nợ tài chính khi, và chỉ khi, nghĩa vụ của Công ty đã được miễn, hủy hoặc hết hạn.

**3.5 Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định được thực hiện theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian ước tính hữu ích của tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	3	-	8	năm
Phương tiện vận tải			5	năm
Tài sản cố định khác	3	-	8	năm
Phần mềm máy tính			5	năm

**3.6 Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn**

**Nguyên tắc và phương pháp kế toán phải thu về các tài sản tài chính**

Các khoản phải thu bán các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty (không qua Sở giao dịch chứng khoán), kể cả giá trị đáo hạn của các tài sản tài chính hoặc thanh lý các tài sản tài chính này được theo dõi trên chỉ tiêu "Phải thu bán các tài sản tài chính" trên Báo cáo tình hình tài chính.

Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty được theo dõi trên chỉ tiêu "Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận" trên Báo cáo tình hình tài chính.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

**3.6 Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn (tiếp theo)**

**Nguyên tắc và phương pháp kế toán dự phòng nợ phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên hoặc không có khả năng thu hồi.

Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý trong kỳ.

**3.7 Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn**

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.8 Nguyên tắc và phương pháp kế toán ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận được ghi nhận là số lãi/(lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành. Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận và điều chỉnh hồi tố do những thay đổi về chính sách kế toán hay sai sót của các năm trước và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam như sau:

<i>Các quỹ</i>	<i>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</i>	<i>Mức trích lập tối đa</i>
Quỹ Dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ Dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% vốn điều lệ

**3.9 Nguyên tắc và phương pháp kế toán ghi nhận các khoản doanh thu, thu nhập**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã hoàn thành.

Thu nhập từ hoạt động góp vốn đầu tư chứng khoán

Thu nhập từ hoạt động góp vốn đầu tư chứng khoán được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi thu nhập từ hoạt động góp vốn không chắc chắn.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

**3.9 Nguyên tắc và phương pháp kế toán ghi nhận các khoản doanh thu, thu nhập (tiếp theo)**

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

Tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

**3.10 Nguyên tắc ghi nhận chi phí quản lý**

Chi phí được ghi nhận khi có khả năng làm giảm lợi ích kinh tế tại thời điểm phát sinh hoặc có thể xác định được một cách chắc chắn phát sinh không phân biệt đã được thanh toán hay chưa.

**3.11 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho cơ quan thuế, sử dụng mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.11 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)**

**Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

**3.12 Nguyên tắc ghi nhận, quản lý và trình bày về tài sản và nợ phải trả của khách hàng**

Công ty quản lý tách bạch tiền gửi giao dịch chứng khoán của từng khách hàng, tách bạch tiền của khách hàng với tiền của Công ty. Công ty xây dựng hệ thống quản lý tách bạch tiền của khách hàng theo phương thức khách hàng của Công ty mở tài khoản trực tiếp tại ngân hàng thương mại do Công ty lựa chọn để quản lý tiền giao dịch chứng khoán. Tài sản và nợ phải trả của khách hàng được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính của Công ty (ngoài bảng).

**3.13 Quản trị về rủi ro tài chính**

Các hoạt động của Công ty khiến cho Công ty phải chịu rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro thay đổi về giá cả thị trường như lãi suất, tỷ giá hối đoái, giá thị trường sẽ ảnh hưởng đến thu nhập của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ.

**i. Rủi ro tiền tệ**

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính của Công ty bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

**ii. Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Công ty sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty phải chịu rủi ro lãi suất trên các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản vay của Công ty.

**iii. Rủi ro về giá**

Rủi ro về giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.13 Quản trị về rủi ro tài chính (tiếp theo)**

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Công ty phải gánh chịu tổn thất do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký với Công ty. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

**3.14 Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

<i>Chi tiêu</i>	<i>Cuối năm VND</i>	<i>Đầu năm VND</i>
<b>Tiền</b>	<b>12.932.537.377</b>	<b>1.453.218.567</b>
Tiền mặt tại quỹ	415.652.829	602.811.478
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	12.516.884.548	850.407.089
<b>Các khoản tương đương tiền</b>	<b>5.850.000.000</b>	<b>17.100.000.000</b>
Tiền gửi có kỳ hạn	5.850.000.000	17.100.000.000
<b>Cộng</b>	<b>18.782.537.377</b>	<b>18.553.218.567</b>

Tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng, lãi suất 5,1% /năm.

**5. GIÁ TRỊ, KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM**

<i>Chi tiêu</i>	<i>Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm</i>	<i>Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm</i>
<b>a) Cửa CTCK</b>		
- Cổ phiếu	231	2.048.500
<b>Cộng</b>	<b>231</b>	<b>2.048.500</b>
<b>b) Cửa Nhà đầu tư</b>		
- Cổ phiếu	83.316.182	1.893.663.347.800
<b>Cộng</b>	<b>83.316.182</b>	<b>1.893.663.347.800</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**6. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH**

**a. Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL):**

Tài sản FVTPL	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị đánh giá lại VND	Giá gốc VND	Giá trị đánh giá lại VND
Chứng khoán thương mại	19.616.486.200	15.989.894.700	19.617.799.817	16.176.846.300
Cổ phiếu chưa niêm yết	15.568.770.000	15.568.770.000	15.568.770.000	15.568.770.000
Cổ phiếu niêm yết	4.047.716.200	421.124.700	4.049.029.817	608.076.300
Tiền gửi có kỳ hạn cố định	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>19.616.486.200</b>	<b>15.989.894.700</b>	<b>19.617.799.817</b>	<b>16.176.846.300</b>

**b. Các khoản cho vay**

Chỉ tiêu	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị đánh giá lại VND	Giá gốc VND	Giá trị đánh giá lại VND
<b>Hoạt động giao dịch ký quỹ</b>	-	-	<b>3.164.000.000</b>	<b>3.164.000.000</b>
Doãn Duy Sơn	-	-	190.000.000	190.000.000
Lê Thị Lan	-	-	530.000.000	530.000.000
Vũ Văn Hiệp	-	-	1.096.000.000	1.096.000.000
Đặng Thị Vân Hòa	-	-	659.000.000	659.000.000
Khách hàng khác	-	-	689.000.000	689.000.000
<b>Ứng trước tiền bán chứng khoán</b>	<b>4.923.715.945</b>	<b>4.923.715.945</b>	<b>2.094.107.435</b>	<b>2.094.107.435</b>
Thái Duy Hiền	-	-	298.600.071	298.600.071
Phan Tuấn Anh	-	-	423.983.291	423.983.291
Vũ Văn Hiệp	-	-	319.448.132	319.448.132
Nguyễn Kim Chi	-	-	229.471.000	229.471.000
Trương Việt Hưng	-	-	207.494.929	207.494.929
Đình Hồng Long	1.694.130.517	1.694.130.517	-	-
Đoàn Việt Hà	1.772.102.249	1.772.102.249	-	-
Trần Tuấn Anh	1.024.548.107	1.024.548.107	-	-
Khách hàng khác	432.935.072	432.935.072	615.110.012	615.110.012
<b>Cộng</b>	<b>4.923.715.945</b>	<b>4.923.715.945</b>	<b>5.258.107.435</b>	<b>5.258.107.435</b>

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**6. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**c. Các khoản phải thu bán các TSTC**

<i>Chi tiêu</i>	<i>Cuối năm</i> <i>VND</i>	<i>Đầu năm</i> <i>VND</i>
Hà Huy Hoàng	308.050.000	315.220.000
Trần Văn Cường	238.918.663	1.097.450.000
Nguyễn Thúy Huệ	-	380.965.000
<b>Cộng</b>	<b>546.968.663</b>	<b>1.793.635.000</b>
<i>Trong đó: Đã lập dự phòng</i>	<i>435.212.663</i>	<i>450.346.000</i>

Các khoản phải thu bán các TSTC là các khoản đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh chứng khoán. Công ty đang trong quá trình tất toán các khoản đầu tư này.

**d. Các khoản phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận**

<i>Chi tiêu</i>	<i>Cuối năm</i> <i>VND</i>	<i>Đầu năm</i> <i>VND</i>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	9.853.334	34.457.778
Phải thu cổ tức	297.500.000	-
<b>Cộng</b>	<b>307.353.334</b>	<b>34.457.778</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**7. BẢNG TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG GIÁ TRỊ THỊ TRƯỜNG CỦA TÀI SẢN TÀI CHÍNH**

STT	Các loại tài sản tài chính	31/12/2016					01/01/2016				
		Giá trị mua	Giá trị thị trường hoặc giá trị kỳ này	CL đánh giá kỳ này		Giá trị đánh giá lại	Giá trị mua	Giá trị thị trường hoặc giá trị kỳ trước	CL đánh giá kỳ trước		Giá trị đánh giá lại
				Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm				Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	
A	B	1	2	3=(2-1)	4=(1-2)	5=(1+3-4)	6	7	8=(7-6)	9=(6-7)	10=(6+8-9)
I	<b>FVTPL</b>	<b>19.616.486.200</b>	<b>15.989.894.700</b>	-	<b>3.626.591.500</b>	<b>15.989.894.700</b>	<b>19.617.799.817</b>	<b>16.176.846.300</b>	<b>352.000</b>	<b>3.441.305.517</b>	<b>16.176.846.300</b>
1	Cổ phiếu	19.616.486.200	15.989.894.700	-	3.626.591.500	15.989.894.700	19.617.799.817	16.176.846.300	352.000	3.441.305.517	16.176.846.300
	ANV	4.047.374.172	420.912.000	-	3.626.462.172	420.912.000	4.047.374.172	606.720.000		3.440.654.172	606.720.000
	NBC			-			1.313.617	784.800		528.817	784.800
	VCB	342.028	212.700	-	129.328	212.700	342.028	219.500		122.528	219.500
	PVC	-	-	-	-	-	-	352.000	352.000		352.000
	Công ty Cổ phần bia và nước giải khát Việt Hà	15.568.770.000	15.568.770.000	-		15.568.770.000	15.568.770.000	15.568.770.000			15.568.770.000
II	<b>HTM</b>	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
III	<b>Các khoản cho vay và phải thu</b>	<b>5.778.037.942</b>	<b>5.342.825.279</b>	-	<b>435.212.663</b>	<b>5.342.825.279</b>	<b>7.086.200.213</b>	<b>1.343.289.000</b>	-	<b>450.346.000</b>	<b>6.635.854.213</b>
1	Các khoản cho vay	4.923.715.945	4.923.715.945	-		4.923.715.945	5.258.107.435		-		5.258.107.435
	Giao dịch ký quỹ	-	-	-	-	-	3.164.000.000		-		3.164.000.000
	Ứng trước tiền bán chứng khoán	4.923.715.945	4.923.715.945	-		4.923.715.945	2.094.107.435		-		2.094.107.435
2	Các khoản phải thu	854.321.997	419.109.334	-	435.212.663	419.109.334	1.828.092.778	1.343.289.000		450.346.000	1.377.746.778
	Phải thu bán các tài sản tài chính	546.968.663	111.756.000	-	435.212.663	111.756.000	1.793.635.000	1.343.289.000		450.346.000	1.343.289.000
	Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	307.353.334	307.353.334	-		307.353.334	34.457.778		-		34.457.778
IV	<b>AFS</b>	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	<b>Cộng</b>	<b>25.394.524.142</b>	<b>21.332.719.979</b>	-	<b>4.061.804.163</b>	<b>21.332.719.979</b>	<b>26.704.000.030</b>	<b>17.520.135.300</b>	<b>352.000</b>	<b>3.891.651.517</b>	<b>22.812.700.513</b>

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**8. TÌNH HÌNH LẬP DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH**

STT	Loại TSTC	Số lượng	Cơ sở lập dự phòng kỳ này		Giá trị lập dự phòng kỳ này	Giá trị lập dự phòng năm trước	Mức trích lập hoặc (hoàn nhập) năm nay
			Giá sổ sách kế toán	Giá thị trường tại thời điểm lập BCTC			
A	B	1	2	3	4	5	6
<b>I</b>	<b>TSTC FVTPL</b>	<b>670.846</b>	<b>19.616.486.200</b>	<b>15.989.894.700</b>	<b>3.626.591.500</b>	<b>3.441.305.517</b>	<b>185.285.983</b>
1	ANV	75.840	4.047.374.172	420.912.000	3.626.462.172	3.440.654.172	185.808.000
2	NBC	-	-	-	-	528.817	(528.817)
3	VCB	6	342.028	212.700	129.328	122.528	6.800
4	Công ty Cổ phần bia và nước giải khát Việt Hà (*)	595.000	15.568.770.000	15.568.770.000	-	-	-
<b>II</b>	<b>TSTC HTM</b>	-	-	-	-	-	-
<b>III</b>	<b>TSTC cho vay</b>	-	<b>854.321.997</b>	<b>419.109.334</b>	<b>435.212.663</b>	<b>450.346.000</b>	<b>(15.133.337)</b>
1	Margin	-	-	-	-	-	-
2	Ứng trước tiền bán chứng khoán	-	-	-	-	-	-
3	Phải thu bán các tài sản tài chính	-	546.968.663	111.756.000	435.212.663	450.346.000	(15.133.337)
4	Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	-	307.353.334	307.353.334	-	-	-
<b>IV</b>	<b>TSTC AFS</b>	-	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>		<b>670.846</b>	<b>20.470.808.197</b>	<b>16.409.004.034</b>	<b>4.061.804.163</b>	<b>3.891.651.517</b>	<b>170.152.646</b>

(\*) Khoản đầu tư chiếm 37,89% vốn chủ sở hữu thuần tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2016. Công ty đang tìm đối tác nhận chuyển nhượng khoản đầu tư để giảm tỷ lệ đầu tư về đúng hạn mức quy định. Công ty chưa lập dự phòng đối với khoản đầu tư này do không thể xác định giá tham chiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 một cách đáng tin cậy.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**9. PHẢI THU CÁC DỊCH VỤ CÔNG TY ĐÃ CUNG CẤP**

<i>Chi tiêu</i>	<i>Cuối năm VND</i>	<i>Đầu năm VND</i>
<b>Phải thu hoạt động tư vấn tài chính</b>	<b>35.500.000</b>	<b>35.500.000</b>
Công ty Cổ phần Vàng Châu Á (*)	16.500.000	16.500.000
Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long (*)	15.000.000	15.000.000
Công ty Cổ phần Lắp máy điện nước (*)	4.000.000	4.000.000
<b>Phải thu phí lưu ký của Nhà đầu tư</b>	<b>13.697.760</b>	<b>8.570.349</b>
Phải thu phí lưu ký của Nhà đầu tư	13.697.760	8.570.349
<b>Cộng</b>	<b>49.197.760</b>	<b>44.070.349</b>

(\*) Đã lập dự phòng 100%, xem thuyết minh số 11.

**10. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

<i>Chi tiêu</i>	<i>Cuối năm VND</i>	<i>Đầu năm VND</i>
Công ty Cổ phần Nha khoa Bắc Nam (*)	115.936.476	115.936.476
Phải thu khác	58.741.379	48.255.686
<b>Cộng</b>	<b>174.677.855</b>	<b>164.192.162</b>

(\*) Đã lập dự phòng 100%, xem thuyết minh số 11.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**11. DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ CÁC KHOẢN PHẢI THU**

STT	Loại phải thu khó đòi phải lập dự phòng	Giá trị phải thu	Số trích lập	Số hoàn nhập	Số cuối năm	Số đầu năm
		khó đòi	trong năm	trong năm	VND	VND
		VND	VND	VND		
<b>1</b>	<b>Các khoản phải thu các dịch vụ Công ty cung cấp</b>	<b>35.500.000</b>	<b>4.000.000</b>	-	<b>35.500.000</b>	<b>31.500.000</b>
	Công ty Cổ phần Vàng Châu Á	16.500.000	-	-	15.000.000	16.500.000
	Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long	15.000.000	-	-	16.500.000	15.000.000
	Công ty Cổ phần Lắp máy điện nước	4.000.000	4.000.000	-	4.000.000	-
<b>2</b>	<b>Các khoản phải thu khác</b>	<b>115.936.476</b>	<b>34.780.943</b>	-	<b>115.936.476</b>	<b>81.155.533</b>
	Công ty Cổ phần Nha khoa Bắc Nam	115.936.476	34.780.943	-	115.936.476	81.155.533
	<b>Cộng</b>	<b>151.436.476</b>	<b>38.780.943</b>	-	<b>151.436.476</b>	<b>112.655.533</b>

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ALPHA**

Số 2 Phạm Ngũ Lão, P.Phan Chu Trinh, Q.Hoàn Kiếm,

Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (04) 3933 3666

Fax: (04) 3933 4668

Bảo cáo tài chính cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGÂN HẠN, DÀI HẠN**

<i>Chi tiêu</i>	<i>Cuối năm</i> <i>VND</i>	<i>Đầu năm</i> <i>VND</i>
<b>Chi phí trả trước ngắn hạn</b>		
Chi phí thường niên và quản lý thành viên	9.450.000	-
Chi phí đường truyền	30.600.000	-
Chi phí tư vấn phát hành chứng khoán	153.400.000	30.600.000
Chi phí chợ phân bổ khác	9.500.807	3.400.000
<b>Cộng</b>	<b>202.950.807</b>	<b>34.000.000</b>

**Chi phí trả trước dài hạn**

Thiết bị, dụng cụ chờ phân bổ	66.981.288	42.881.632
<b>Cộng</b>	<b>66.981.288</b>	<b>42.881.632</b>

**13. CÀM CỐ, THẺ CHẬP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỚC NGÂN HẠN**

<i>Chi tiêu</i>	<i>Cuối năm</i> <i>VND</i>	<i>Đầu năm</i> <i>VND</i>
Đặt cọc thuê văn phòng HCM	76.342.130	76.342.130
Đặt cọc thẻ taxi	10.000.000	10.000.000
<b>Cộng</b>	<b>86.342.130</b>	<b>86.342.130</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Máy móc, thiết bị VND</i>	<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND</i>	<i>Tài sản cố định khác VND</i>	<i>Cộng VND</i>
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	4.080.408.872	820.737.000	1.532.072.963	6.433.218.835
Số cuối năm	4.080.408.872	820.737.000	1.532.072.963	6.433.218.835
<b>Hao mòn lũy kế</b>				
Số đầu năm	3.929.248.136	820.737.000	1.501.319.321	6.251.304.457
Khấu hao trong năm	78.920.835	-	13.177.284	92.098.119
Số cuối năm	4.008.168.971	820.737.000	1.514.496.605	6.343.402.576
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	151.160.736	-	30.753.642	181.914.378
Số cuối năm	72.239.901	-	17.576.358	89.816.259
<i>Trong đó:</i>				
Hết khấu hao đang sử dụng (NG)	3.841.269.760	820.737.000	1.426.654.622	6.088.661.382

**15. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Phần mềm giao dịch VND</i>
<b>Nguyên giá</b>	
Số đầu năm	1.485.162.000
Số cuối năm	1.485.162.000
<b>Hao mòn lũy kế</b>	
Số đầu năm	1.324.006.088
Khấu hao trong năm	48.822.585
Số cuối năm	1.372.828.673
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số đầu năm	161.155.912
Số cuối năm	112.333.327

Trong đó, nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 1.167.662.000 đồng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**16. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối năm VND</i>	<i>Đầu năm VND</i>
Tài sản thuế hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	1.225.863.293	3.059.838.195
<b>Cộng</b>	<b>1.225.863.293</b>	<b>3.059.838.195</b>

**17. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối năm VND</i>	<i>Đầu năm VND</i>
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	1.195.119.898	1.149.258.683
Tiền lãi phân bổ trong năm	747.599.045	530.866.002
<b>Cộng</b>	<b>2.062.718.943</b>	<b>1.800.124.685</b>

**18. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối năm VND</i>	<i>Đầu năm VND</i>
Sở giao dịch chứng khoán - phí giao dịch	86.241.695	-
Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) - phí lưu ký	31.181.066	-
<b>Cộng</b>	<b>117.422.761</b>	<b>-</b>

**19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối năm VND</i>	<i>Đầu năm VND</i>
Công ty TNHH hệ thống thông tin NH Tài chính FPT	24.000.000	24.000.000
Viện Hóa học Công Nghiệp	677.221.774	339.519.097
<b>Cộng</b>	<b>701.221.774</b>	<b>363.519.097</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**20. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối năm VND</i>	<i>Đầu năm VND</i>
Công ty Cổ phần Cơ giới và xây dựng Thăng Long	14.000.000	41.000.000
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và xây dựng Thăng Long	20.000.000	20.000.000
Công ty Cổ phần Trí Việt	30.000.000	30.000.000
Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	125.000.000	-
Công ty Cổ phần Liên doanh đầu tư Quốc tế KLF	65.000.000	65.000.000
Công ty Cổ phần Khoáng sản Nari Hamico	13.750.000	13.750.000
Công ty TNHH In tài chính	39.000.000	-
Nhà xuất bản Giáo dục VN	-	110.000.000
Tổng CTY Xây dựng công trình Giao thông-CTCP	250.000.000	-
Công ty Cổ phần XNK và Xây dựng Công trình	44.000.000	-
Công ty Cổ phần Nhôm Sông Hồng	100.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>700.750.000</b>	<b>279.750.000</b>

**21. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối năm VND</i>	<i>Đầu năm VND</i>
Thuế giá trị gia tăng	12.996.809	15.031.615
Thuế thu nhập cá nhân	615.560.340	115.716.823
<b>Cộng</b>	<b>628.557.149</b>	<b>130.748.438</b>

**22. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối năm VND</i>	<i>Đầu năm VND</i>
Lãi trả nhà đầu tư	4.664.480	10.255.934
Chi phí hoạt động	404.225.337	128.063.695
Chi phí phải trả khác	65.000.000	65.000.000
<b>Cộng</b>	<b>473.889.817</b>	<b>203.319.629</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**23. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối năm VND</i>	<i>Đầu năm VND</i>
Thuế Thu nhập cá nhân phải nộp cho nhà đầu tư	90.975.647	90.975.647
Các khoản phải trả, phải nộp khác	260.080.247	25.975.204
<b>Cộng</b>	<b>351.055.894</b>	<b>116.950.851</b>

**24. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Vốn đầu tư của chủ sở hữu**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>	<i>Cuối năm VND</i>	<i>Đầu năm VND</i>
Công ty TNHH CNTT và TT Tân Thanh Hoa	1,96	1.150.000.000	1.150.000.000
Ông Lê Thành Trung	9,81	5.750.000.000	5.750.000.000
Bà Vũ Thúy Anh	9,26	5.428.000.000	5.428.000.000
Cổ đông khác	78,97	46.291.400.000	46.291.400.000
<b>Cộng</b>	<b>100,00</b>	<b>58.619.400.000</b>	<b>58.619.400.000</b>

**25. CỔ PHIẾU ĐANG LƯU HÀNH**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	5.861.940	5.861.940
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	5.861.940	5.861.940
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>5.861.940</i>	<i>5.861.940</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.861.940	5.861.940
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>5.861.940</i>	<i>5.861.940</i>

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**26. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TẠI VSD CỦA CÔNG TY**

<i>Tài sản tài chính</i>	<i>Cuối năm VND</i>	<i>Đầu năm VND</i>
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	758.460.000	759.760.000
<b>Cộng</b>	<b>758.460.000</b>	<b>759.760.000</b>

Giá trị tài sản tài chính được phản ánh theo mệnh giá.

**27. PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ VỀ DỊCH VỤ CHO CÔNG TY**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối năm VND</i>	<i>Đầu năm VND</i>
Phí lưu ký chứng khoán	13.697.760	8.570.349
<b>Cộng</b>	<b>13.697.760</b>	<b>8.570.349</b>

**28. PHẢI TRẢ VAY CÔNG TY CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối năm VND</i>	<i>Đầu năm VND</i>
Phải trả gốc margin	-	3.164.000.000
<i>Phải trả gốc margin của NĐT trong nước</i>	-	3.164.000.000
Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	4.923.715.945	2.094.107.435
<i>Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán của NĐT trong nước</i>	4.923.715.945	2.094.107.435
<b>Cộng</b>	<b>4.923.715.945</b>	<b>5.258.107.435</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ALPHA**

Số 2 Phạm Ngũ Lão, P.Phan Chu Trinh, Q.Hoàn Kiếm,

Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (04) 3933 3666

Fax: (04) 3933 4668

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**29. LÃI/LỖ TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH THÔNG QUA LÃI/LỖ (FVTPL)****a. Lãi/ lỗ bán các tài sản tài chính**

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng	Giá bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi, lỗ bán chứng khoán năm nay	Lãi, lỗ bán chứng khoán năm trước
			VND	VND	VND	VND	VND
A	B	1	2	3=(1*2)	4	5=(3-4)	6
<b>I</b>	<b>Lãi bán</b>						
1	Cổ phiếu niêm yết	22	8.391	184.600	-	184.600	-
	PVC	22	8.391	184.600	-	184.600	-
	<b>Cộng</b>	-	-	<b>184.600</b>	-	<b>184.600</b>	-
<b>II</b>	<b>Lỗ bán</b>						
1	Cổ phiếu niêm yết	109	7.100	773.900	1.313.617	(539.717)	175.831.868
	ANV	-	-	-	-	-	175.831.868
	NBC	109	7.100	773.900	1.313.617	(539.717)	-
	<b>Cộng</b>			<b>773.900</b>	<b>1.313.617</b>	<b>(539.717)</b>	<b>175.831.868</b>

**b. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL**

Chỉ tiêu	Năm nay VND	Năm trước VND
Cổ tức	297.500.000	68.353.800
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	239.041.478	-
<b>Cộng</b>	<b>536.541.478</b>	<b>68.353.800</b>

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**30. LÃI TỪ CÁC KHOẢN CHO VAY VÀ PHẢI THU**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Lãi cho vay hoạt động Margin	217.050.834	1.225.488.378
Lãi cho vay hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán	289.874.544	737.035.808
<b>Cộng</b>	<b>506.925.378</b>	<b>1.962.524.186</b>

**31. THU NHẬP HOẠT ĐỘNG KHÁC**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Phí quản lý sổ cổ đông	56.727.272	44.909.090
Phí tất toán tài khoản	1.963.225	64.807.592
Doanh thu hoạt động phí chuyển nhượng chứng khoán giữa các cá nhân	16.296.225	6.916.875
Tiền lãi quỹ hỗ trợ thanh toán được phân bổ theo thông báo của VSD	217.133.043	-
Doanh thu phí đại lý đầu giá	-	111.839.065
<b>Cộng</b>	<b>292.119.765</b>	<b>228.472.622</b>

**32. LỖ CÁC TSTC GHI NHẬN THÔNG QUA LÃI/LỖ (FVTPL)**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Lỗ bán các TSTC FVTPL	539.717	175.831.868
Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC thông qua lãi/lỗ	170.152.646	(630.372.268)
<i>Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá TSTC</i>	<i>170.152.646</i>	<i>(630.372.268)</i>
<b>Cộng</b>	<b>170.692.363</b>	<b>(454.540.400)</b>

**33. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Lãi tiền gửi không cố định	109.487.196	222.840.735
<b>Cộng</b>	<b>109.487.196</b>	<b>222.840.735</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**34. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY**

<i>Chi tiêu</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Chi phí nhân viên quản lý (lương và các khoản phúc lợi)	2.696.520.942	2.589.788.554
BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	507.543.263	421.846.466
Chi phí văn phòng phẩm	62.416.273	83.301.000
Chi phí công cụ, dụng cụ	35.969.330	21.966.587
Chi phí khấu hao TSCĐ	29.851.836	56.516.985
Chi phí thuế, phí và lệ phí	3.000.000	6.000.000
Chi phí dự phòng/(hoàn nhập) dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	38.780.943	23.187.295
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.174.282.207	1.021.357.678
Chi phí khác	579.223.034	944.736.151
<b>Cộng</b>	<b>5.127.587.828</b>	<b>5.168.700.716</b>

**35. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Công ty có nghĩa vụ nộp Thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) với thuế suất bằng 20% lợi nhuận thu được.

**a. Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Thuế thu nhập hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**35. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

<i>Chi tiêu</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Lợi nhuận kế toán (1)	(2.832.807.263)	(2.726.524.284)
Các khoản điều chỉnh tăng (2)	56.569.371	302.319.325
Các khoản điều chỉnh (giảm) (3)	(307.353.334)	(193.353.800)
Thu nhập chịu thuế TNDN (4) = (1) + (2) + (3)	(3.083.591.226)	(2.617.558.759)
Chuyển lỗ năm trước (5)	-	-
Thu nhập tính thuế (6)	-	-
Thuế suất (7)	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (8) = (6) * (7)</b>	-	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	(20.868.435)	(20.868.435)
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu/(thừa) năm trước	-	-
Thuế TNDN đã nộp trong năm	-	-
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>(20.868.435)</b>	<b>(20.868.435)</b>

**b. Tình hình quyết toán thuế TNDN**

Từ khi thành lập đến nay, cơ quan thuế chưa kiểm tra quyết toán thuế TNDN của Công ty.

**c. Chuyển lỗ**

Theo luật thuế hiện hành, các khoản lỗ tính thuế sang kỳ sau trong vòng 5 năm kể từ khi phát sinh để bù trừ với lợi nhuận thu được.

<i>Năm phát sinh - năm hết hạn</i>	<i>Số lỗ phát sinh VND</i>	<i>Số lỗ đã chuyển/hết hạn VND</i>	<i>Lỗ còn được chuyển VND</i>
2010 - 2015	811.837.793	811.837.793	-
2011 - 2016	10.072.196.986	10.072.196.986	-
2012 - 2017	6.129.316.466	-	6.129.316.466
2013 - 2018	3.825.114.243	-	3.825.114.243
2015 - 2020	2.617.558.759	-	2.617.558.759
2016 - 2021	3.083.591.226	-	3.083.591.226
<b>Cộng</b>	<b>26.539.615.473</b>	<b>10.884.034.779</b>	<b>15.655.580.694</b>

Với số lỗ lũy kế được chuyển ở trên, Công ty ước tính có thể tạo ra khoản lợi nhuận là 6.129.316.466 đồng để bù đắp, vậy nên Công ty đã ghi nhận tài sản thuế hoãn lại 1.225.863.293 đồng tương ứng với khoản lợi nhuận trong tương lai này.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**35. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**d. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại (“tài sản thuế TNHL”)**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
<b>Số dư đầu năm (1)</b>	<b>3.059.838.195</b>	<b>4.050.378.341</b>
<b>Tài sản thuế TNHL phát sinh trong kỳ (2) = (3)+(4)</b>		
<i>Lỗ có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai (3)</i>	-	-
<i>Khoản hoàn nhập tài sản thuế TNHL đã được ghi nhận từ các năm trước (4)</i>	(1.833.974.902)	(990.540.146)
<b>Số dư cuối năm (5) = (1) + (2)</b>	<b>1.225.863.293</b>	<b>3.059.838.195</b>

**36. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế (1)</b>	<b>(4.666.782.165)</b>	<b>(3.717.064.430)</b>
<i>Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông hiện hữu (2)</i>	-	-
<b>Lãi/(lỗ) phân bổ cho cổ phiếu phổ thông (3)=(1)+(2)</b>	<b>(4.666.782.165)</b>	<b>(3.717.064.430)</b>
<i>Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm (4)</i>	5.861.940	5.861.940
<b>Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (5)=(3)/(4)</b>	<b>(796)</b>	<b>(634)</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**37. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ TÀI CHÍNH**

	<i>Giá trị ghi sổ</i>				<i>Giá trị hợp lý</i>	
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>		<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
	<i>Giá trị VND</i>	<i>Dự phòng VND</i>	<i>Giá trị VND</i>	<i>Dự phòng VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>
<b>Tài sản tài chính</b>						
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.782.537.377	-	18.553.218.567	-	18.782.537.377	18.553.218.567
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	19.616.486.200	3.626.591.500	19.617.799.817	3.441.305.517	15.989.894.700	16.176.494.300
Các khoản cho vay	4.923.715.945	-	5.258.107.435	-	4.923.715.945	5.258.107.435
Các khoản phải thu ngắn hạn	854.321.997	435.212.663	1.828.092.778	450.346.000	419.109.334	1.377.746.778
Trả trước cho người bán	36.790.000	-	33.927.000	-	36.790.000	33.927.000
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	49.197.760	35.500.000	44.070.349	31.500.000	13.697.760	12.570.349
Phải thu khác	174.677.855	115.936.476	164.192.162	81.155.533	58.741.379	83.036.629
<b>Cộng</b>	<b>44.437.727.134</b>	<b>4.213.240.639</b>	<b>45.499.408.108</b>	<b>4.004.307.050</b>	<b>40.224.486.495</b>	<b>41.495.101.058</b>
<b>Nợ tài chính</b>						
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	117.422.761	-	-	-	117.422.761	-
Phải trả người bán ngắn hạn	701.221.774	-	363.519.097	-	701.221.774	363.519.097
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	700.750.000	-	279.750.000	-	700.750.000	279.750.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	628.557.149	-	130.748.438	-	628.557.149	130.748.438
Chi phí phải trả ngắn hạn	473.889.817	-	203.319.629	-	473.889.817	203.319.629
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	-	2.000.000	-	-	2.000.000
Phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	351.055.894	-	116.950.851	-	351.055.894	116.950.851
<b>Cộng</b>	<b>2.972.897.395</b>	<b>-</b>	<b>1.096.288.015</b>	<b>-</b>	<b>2.972.897.395</b>	<b>1.096.288.015</b>

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**37. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn;
- Giá trị hợp lý của các chứng khoán được xác định theo giá trị thị trường.

**38. QUẢN TRỊ VỀ RỦI RO TÀI CHÍNH**

**a. Rủi ro thị trường**

Rủi ro tiền tệ: Việc kinh doanh của Công ty không chịu rủi ro tiền tệ do các nghiệp vụ phát sinh đều bằng đồng Việt Nam.

Rủi ro lãi suất: Tiền gửi ngân hàng của Công ty chủ yếu bằng đồng Việt Nam. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty là không đáng kể vì hầu hết các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty đều là tài khoản thanh toán. Công ty không chịu rủi ro lãi suất trên các khoản vay do không có phát sinh các khoản vay.

Rủi ro về giá: Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

**b. Rủi ro tín dụng**

Công ty không có rủi ro tín dụng đối với khoản phải thu khách hàng do Công ty quản lý tài sản của khách hàng. Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên báo cáo tình hình tài chính. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi ngân hàng, tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, các khoản cho vay các khoản phải thu khác.

**c. Rủi ro thanh khoản**

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động các luồng tiền. Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**38. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**c. Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)**

<i>Nợ tài chính</i>	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Từ 1 đến 5 năm</i>	<i>Trên 5 năm</i>	<i>Cộng</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>
<b>Đầu năm</b>				
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	-	-	-	-
Phải trả người bán ngắn hạn	363.519.097	-	-	363.519.097
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	279.750.000	-	-	279.750.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	130.441.101	-	-	130.441.101
Chi phí phải trả ngắn hạn	203.319.629	-	-	203.319.629
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	2.000.000	-	-	2.000.000
Phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	116.950.851	-	-	116.950.851
<b>Cuối năm</b>				
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	117.422.761	-	-	117.422.761
Phải trả người bán ngắn hạn	701.221.774	-	-	701.221.774
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	700.750.000	-	-	700.750.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	628.557.149	-	-	628.557.149
Chi phí phải trả ngắn hạn	473.889.817	-	-	473.889.817
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	-	-	-
Phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	351.055.894	-	-	351.055.894

**d. Tài sản tài chính quá hạn, giảm giá**

Các tài sản tài chính của Công ty không quá hạn cũng không bị giảm giá: Tiền gửi ngân hàng không quá hạn cũng không bị giảm giá là các khoản tiền gửi chủ yếu tại các ngân hàng có uy tín theo đánh giá của Công ty.

Công ty có nhóm tài sản tài chính quá hạn và giảm giá trị tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán như sau:

<i>Tài sản tài chính</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>	<i>Trong đó</i>	
		<i>Quá hạn</i>	<i>Giảm giá</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	19.616.486.200	-	3.626.591.500
Các khoản phải thu ngắn hạn	854.321.997	238.918.663	212.120.000
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	49.197.760	35.500.000	-
Phải thu khác	174.677.855	115.936.476	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**39. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Lương và các quyền lợi gộp khác của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc	1.231.982.590	1.281.493.478

**40. THÔNG TIN SO SÁNH**

Thông tin so sánh là các thông tin trên các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội – Chi nhánh Hồ Chí Minh (CPA HANOI).

Trong năm 2016, do ảnh hưởng của việc thay đổi chế độ kế toán như đã trình bày tại thuyết minh số 3.1 nên một số khoản mục tương ứng trên báo cáo tài chính năm trước đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính năm nay.

**a. Báo cáo tình hình tài chính**

Các khoản mục tài sản, nợ phải trả của Công ty được phân loại lại. Tài sản và nợ phải trả của nhà đầu tư được tách ra theo dõi ngoại bảng của báo cáo tình hình tài chính.

<i>Khoản mục</i>	<i>Diễn giải</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015 (số liệu đã trình bày)</i> <i>VND</i>	<i>Điều chỉnh theo Thông tư 334</i> <i>VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015 (phân loại lại)</i> <i>VND</i>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>				
Tiền	[1]	9.602.896.797	(8.149.678.230)	1.453.218.567
Đầu tư ngắn hạn khác (**)	[2]	21.411.434.817	(21.411.434.817)	-
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) (*)	[2]	-	19.617.799.817	19.617.799.817
Các khoản cho vay (*)	[3]	-	5.258.107.435	5.258.107.435
Phải thu bán các tài sản tài chính (*)	[2]	-	1.793.635.000	1.793.635.000
Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận (*)	[3]	-	34.457.778	34.457.778
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp (*)	[3]	-	44.070.349	44.070.349
Phải thu khác	[3]	82.713.464	81.478.698	164.192.162
Phải thu của khách hàng (**)	[3]	5.418.114.260	(5.418.114.260)	-
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	[5]	-	86.342.130	86.342.130
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>				
Tài sản dài hạn khác	[5]	86.342.130	(86.342.130)	-
<b>Cộng</b>		<b>36.601.501.468</b>	<b>(8.149.678.230)</b>	<b>28.451.823.238</b>

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**40. THÔNG TIN SO SÁNH (tiếp theo)**

**a. Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)**

Khoản mục	Diễn giải	Ngày 31 tháng	Điều chỉnh theo	Ngày 31 tháng
		12 năm 2015 (số liệu đã trình bày) VND	Thông tư 334 VND	12 năm 2015 (phân loại lại) VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>				
<b>Nợ phải trả ngắn hạn</b>				
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	[4]	15.031.615	115.716.823	130.748.438
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	[1]	8.382.345.904	(8.265.395.053)	116.950.851
<b>Cộng</b>		<b>8.397.377.519</b>	<b>(8.149.678.230)</b>	<b>247.699.289</b>

(\*) Các chỉ tiêu mới của Báo cáo tình hình tài chính theo Thông tư 334

(\*\*) Các chỉ tiêu của Bảng cân đối kế toán không còn được trình bày theo Thông tư 334

Chi tiết diễn giải số liệu điều chỉnh của một số khoản mục chính như sau:

- [1] Điều chỉnh tiền gửi của nhà đầu tư ra theo dõi ngoại bảng
- [2] Phân loại lại danh mục đầu tư theo quy định Thông tư 334
- [3] Phân loại lại các khoản mục phải thu theo quy định Thông tư 334
- [4] Phân loại lại các khoản mục phải trả theo quy định Thông tư 334
- [5] Phân loại khác

**b. Báo cáo kết quả hoạt động**

Các khoản mục thu nhập và chi phí Công ty được phân loại lại.

Khoản mục	Diễn giải	Năm 2015	Điều chỉnh theo	Năm 2015
		(số liệu đã trình bày) VND	Thông tư 334 VND	(phân loại lại) VND
<b>DOANH THU HOẠT ĐỘNG</b>				
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn (**)	[6]	68.353.800	(68.353.800)	-
Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) (*)	[6]	-	68.353.800	68.353.800
Doanh thu khác (**)	[6]	2.430.201.179	(2.430.201.179)	-
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu (*)	[6]	-	1.962.524.186	1.962.524.186
Thu nhập hoạt động khác (*)	[6]	-	228.472.622	228.472.622
<b>Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (**)</b>		<b>7.416.156.008</b>	<b>(7.416.156.008)</b>	<b>-</b>
<b>Cộng Doanh thu hoạt động (*)</b>		<b>-</b>	<b>7.176.951.637</b>	<b>7.176.951.637</b>

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**40. THÔNG TIN SO SÁNH (tiếp theo)**

**b. Báo cáo kết quả hoạt động (tiếp theo)**

<i>Khoản mục</i>	<i>Diễn giải</i>	<i>Năm 2015 (số liệu đã trình bày)</i>	<i>Điều chỉnh theo Thông tư 334</i>	<i>Năm 2015 (phân loại lại)</i>
		<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>
<b>CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>				
<b>Chi phí hoạt động kinh doanh (**)</b>	[7]	<b>4.973.979.576</b>	<b>(4.973.979.576)</b>	-
Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) (*)	[7]	-	(454.540.400)	(454.540.400)
<i>Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL</i>	[7]		175.831.868	175.831.868
<i>Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL</i>	[7]		(630.372.268)	(630.372.268)
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán (*)	[7]	-	5.156.007.356	5.156.007.356
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán (*)	[7]	-	175.440.652	175.440.652
<b>Cộng chi phí hoạt động (*)</b>			<b>4.876.907.608</b>	<b>4.876.907.608</b>
Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định (*)	[6]	-	222.840.735	222.840.735
Chi phí lãi vay (*)	[7]	-	80.708.332	80.708.332
Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (**)	[7]	2.442.176.432	(2.442.176.432)	-
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (**)</b>		<b>(2.726.524.284)</b>	<b>2.726.524.284</b>	-
<b>KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (*)</b>		-	<b>(2.726.524.284)</b>	<b>2.726.524.284</b>

(\*) Các chỉ tiêu mới của Báo cáo kết quả hoạt động theo Thông tư 334

(\*\*) Các chỉ tiêu của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh không còn được trình bày theo Thông tư 334

Chi tiết diễn giải số liệu điều chỉnh của một số khoản mục chính như sau:

[6] Phân loại lại các khoản mục doanh thu theo quy định của Thông tư 334

[7] Phân loại lại các khoản mục chi phí hoạt động theo quy định của Thông tư 334

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**40. THÔNG TIN SO SÁNH (tiếp theo)**

**c. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

Các dòng lưu chuyển tiền của Công ty được phân loại lại.

<i>Khoản mục</i>	<i>Diễn giải</i>	<i>Năm 2015 (số liệu đã trình bày)</i> VND	<i>Điều chỉnh theo Thông tư 334</i> VND	<i>Năm 2015 (phân loại lại)</i> VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>	[8]			
Tiền lãi đã thu (*)	[8]	-	188.382.957	188.382.957
Tiền chi trả tổ chức cung cấp dịch vụ cho CTCK (*)	[8]	-	(613.009.729)	(613.009.729)
Tiền chi nộp thuế liên quan đến hoạt động công ty chứng khoán (*)	[8]	-	(191.329.450)	(191.329.450)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	[8]	122.026.940.183	38.910.496.609	160.937.436.792
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	[8]	(137.534.479.501)	(4.737.975.166)	(142.272.454.667)
Tiền thu từ hoạt động kinh doanh (**)	[8]	1.484.850.005	(1.484.850.005)	-
Tiền chi hoạt động kinh doanh (**)	[8]	(2.467.790.991)	2.467.790.991	-
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ (**)	[8]	(3.074.523.354)	3.074.523.354	-
Tiền thu giao dịch chứng khoán khách hàng (**)	[8]	456.207.186.121	(456.207.186.121)	-
Tiền chi trả giao dịch chứng khoán khách hàng (**)	[8]	(420.056.758.692)	420.056.758.692	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>12.117.757.661</b>	<b>1.463.602.132</b>	<b>13.581.359.793</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	[8]	256.736.757	(188.382.957)	68.353.800
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>273.236.757</b>	<b>(188.382.957)</b>	<b>84.853.800</b>
<b>IV. Tăng/giảm tiền thuần trong năm</b>		<b>13.390.994.418</b>	<b>1.275.219.175</b>	<b>14.666.213.593</b>
<b>V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>		<b>13.311.902.379</b>	<b>3.887.004.974</b>	<b>3.887.004.974</b>
Tiền (*)	[8]	-	3.887.004.974	3.887.004.974
<b>VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>		<b>26.702.896.797</b>	<b>5.162.224.149</b>	<b>18.553.218.567</b>
Tiền (*)	[8]	-	1.453.218.567	1.453.218.567
Các khoản tương đương tiền (*)	[8]	-	17.100.000.000	17.100.000.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**40. THÔNG TIN SO SÁNH (tiếp theo)**

**c. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**

Phần lưu chuyển tiền tệ hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng được tách ra trình bày riêng trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

<i>Khoản mục</i>	<i>Đơn giải</i>	<i>Năm 2015 (số liệu đã trình bày)</i>	<i>Điều chỉnh theo Thông tư 334</i>	<i>Năm 2015 (phân loại lại)</i>
		<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>
<b>I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng (*)</b>				
Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng (*)		-	529.298.331.598	529.298.331.598
Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng (*)		-	(530.481.998.131)	(530.481.998.131)
Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng (*)		-	(91.552.642)	(91.552.642)
<b>Tăng/giảm tiền thuần trong năm (*)</b>		-	<b>(1.275.219.175)</b>	<b>(1.275.219.175)</b>
<b>II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng (*)</b>		-	<b>9.424.897.405</b>	<b>9.424.897.405</b>
Tiền gửi ngân hàng đầu năm (*):		-	9.424.897.405	9.424.897.405
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý (*)		-	9.424.897.405	9.424.897.405
<b>III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng (*)</b>		-	<b>8.149.678.230</b>	<b>8.149.678.230</b>
Tiền gửi ngân hàng cuối năm (*):		-	8.149.678.230	8.149.678.230
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý (*)		-	8.149.678.230	8.149.678.230

(\*) Các chỉ tiêu mới của Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo Thông tư 334

(\*\*) Các chỉ tiêu của Báo cáo lưu chuyển tiền tệ không còn được trình bày theo Thông tư 334

Chi tiết diễn giải số liệu điều chỉnh của một số khoản mục chính như sau:

[8] Phân loại lại các dòng tiền theo quy định của Thông tư 334



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**41. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THỨC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.



**Nguyễn Hoài Vân**  
Người lập biểu



**Vũ Thúy Anh**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Quốc Hùng**  
Tổng Giám đốc

*Thành phố Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2017*